



HỒ SƠ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Tp.HCM, Tháng 09 năm 2014



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300381564, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 08 năm 2007 và điều chỉnh lần thứ 04 ngày 26 tháng 06 năm 2014)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 415/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Trụ sở chính: 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-8) 38 29 94 43 Fax: (+84-8) 38 29 29 97 Website: www.cadivi.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-8) 38 24 28 97 Fax: (+84-8) 38 24 29 97 Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Nguyễn Dung

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: (+84-8) 38 29 94 43 Fax: (+84-8) 38 29 94 37 Email: dungn@cadivi.vn



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300381564, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 08 năm 2007 và điều chỉnh lần thứ 04 ngày 26 tháng 06 năm 2014)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	28.800.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	:	288.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 8 3824 2897

Fax: 84 8 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84 4 3936 6321

Fax: 84 4 3936 6311

E-mail: ssi-hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 8 3 8205944

Fax: 84 8 3 8205947

Email: info@aascs.com.vn

Website: www.aascs.com.vn



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro do đặc thù ngành	7
4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	8
5. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức niêm yết.....	10
2. Tổ chức tư vấn	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	20
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	21
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông.....	26
5. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết	27
6. Hoạt động kinh doanh	29
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	43
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	46
9. Chính sách đối với người lao động.....	54
10. Chính sách cổ tức	56
11. Tình hình hoạt động tài chính	56
12. Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát; Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng	65
13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	83
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2014 và 2015	86
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	91
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:	91
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:.....	91



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	92
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	92
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	92
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 28.800.000 cổ phiếu.....	92
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:.....	92
5. Phương pháp tính giá.....	93
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	95
7. Các loại thuế liên quan.....	95
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	97
1. Tổ chức niêm yết.....	97
2. Tổ chức tư vấn.....	97
3. Tổ chức kiểm toán:.....	97
VII. PHỤ LỤC	99

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 05/08/2014.....	26
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập.....	27
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 05/08/2014.....	27
Bảng 4: Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm của Công ty.....	33
Bảng 5: Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Công ty.....	34
Bảng 6: Danh sách các Nhà cung cấp nguyên vật liệu.....	35
Bảng 7: Tỷ trọng nguyên vật liệu so với giá thành sản phẩm.....	36
Bảng 8: Tỷ trọng các yếu tố chi phí trên doanh thu thuần.....	36
Bảng 9: Danh sách các hợp đồng dịch vụ có giá trị lớn đã ký trong năm 2013 và 2014.....	41
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....	43
Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (hợp nhất).....	43
Bảng 12: Quy hoạch phát triển sản phẩm.....	49
Bảng 13: Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho ngành điện và thiết bị điện.....	50
Bảng 14: So sánh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh.....	51
Bảng 15: So sánh các chỉ tiêu về tài chính.....	52
Bảng 16: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm.....	56
Bảng 17: Số dư các quỹ.....	58
Bảng 18: Bảng phân phối lợi nhuận năm 2013.....	58



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Bảng 19: Tổng dư nợ vay của Công ty	58
Bảng 20: Chi tiết các khoản phải thu	61
Bảng 21: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2013	62
Bảng 22: Chi tiết các khoản phải trả	62
Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ	63
Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (hợp nhất)	64
Bảng 25: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát;	65
Bảng 26: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2013	83
Bảng 27: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2014	83
Bảng 28: Tình hình đất đai và bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty	84
Bảng 29: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 và 2015	86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	20
Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	21
Sơ đồ 3: Quy trình công nghệ tổng quát	38
Sơ đồ 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu ngành dây điện từ 2010 - 2013	48
Sơ đồ 5: Thị trường xuất khẩu năm 2013	48



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam tiền thân là Công ty Dây Đồng, được thành lập dựa trên cơ sở tiếp quản các cơ sở sản xuất dây cáp điện và các sản phẩm khác có nguyên liệu từ đồng và nhôm do chế độ cũ để lại.

Cổ phần hóa vào năm 2007, Công ty hoạt động theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực tập trung mạnh vào thị trường “nền”, đó là ngành xây dựng dân dụng, xây lắp công nghiệp, quốc phòng; cùng với việc triển khai hệ thống đại lý, mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước cũng như ở nước ngoài.

Như vậy, với định hướng chiến lược phát triển cụ thể hợp lý, cùng bộ máy nhân sự vững mạnh, Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam luôn chủ động đưa ra các giải pháp chính sách phòng ngừa rủi ro ảnh hưởng xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Những rủi ro đó bao gồm:

1. Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi chung của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá v.v đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong ngành dây và cáp điện nói chung và CADIVI nói riêng.

- **Tăng trưởng GDP:** Tăng trưởng GDP đã tăng từ 5,25% trong năm 2012 lên mức 5,42% trong năm 2013. Xét riêng 6 tháng đầu năm 2014, GDP đã tăng khoảng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, đồng thời là mức tăng cao nhất trong 3 năm trở lại đây. Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ngành, các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực. Do đó, mức tăng trưởng GDP kế hoạch cả năm 2014 là 5,8% có thể đạt được.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất dây và cáp điện phục vụ rộng rãi cho các ngành kinh tế quốc dân cũng như các nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt thường ngày và cho xuất khẩu, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam đã xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- **Lạm phát:** Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013. 6 tháng đầu năm 2014, mức lạm phát chỉ có 1,38%, bằng 1/5 mục tiêu lạm phát của cả năm 2014 và thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Dựa trên tình hình nền kinh tế vẫn đang chú trọng duy trì ổn định và tình hình thực tế 6 tháng đầu năm, mục tiêu lạm phát dưới 7% trong năm 2014 được đánh giá là hoàn toàn khả thi.



Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất như Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

- **Lãi suất:** Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

Cũng giống như phần lớn các doanh nghiệp sản xuất khác, Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam có các khoản vay bằng VNĐ và ngoại tệ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, những biến động về lãi suất theo chiều hướng tích cực trong những năm gần đây đã ảnh hưởng tốt đến kết quả kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời hoạt động trong lĩnh vực dây cáp điện, do đó, CADIVI chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, CADIVI đang mở rộng xâm nhập vào thị trường các nước phát triển như Mỹ, Nhật, Úc, v.v. Hoạt động xuất khẩu của Công ty phần lớn chịu sự điều chỉnh của các chính sách, luật và các quy định khác do Chính phủ và các cơ quan địa phương khác ban hành tại quốc gia mà Công ty xuất khẩu. Tùy từng thời điểm, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan ban hành các quy định mới điều chỉnh các hoạt động của ngành này. Do đó, Công ty sẽ đối mặt với rủi ro liên quan đến các quy định pháp luật.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào: Giai đoạn vừa qua, giá nguyên vật liệu có diễn biến khó lường và là nguyên nhân chính dẫn đến khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp trong ngành. Tỷ trọng nguyên vật liệu so với giá thành sản phẩm của ngành dây cáp điện nói chung và CADIVI nói riêng là rất lớn (bình quân chiếm trên 90% giá thành sản phẩm). Chính vì thế, một sự biến động trong giá nguyên vật liệu (chủ yếu là đồng, nhôm, nhựa) có thể gây tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để đối phó với những biến động này, CADIVI đã điều hành một chính sách linh hoạt, đánh giá những biến động và có giải pháp điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, với lợi thế là



Doanh nghiệp đầu ngành, CADIVI còn thiết lập được một mạng lưới nhà cung cấp rộng lớn trên cả thị trường trong và ngoài nước, từ đó đảm bảo được tính ổn định của nguồn cung và giá cả.

Rủi ro tỷ giá:

Rủi ro về tỷ giá luôn là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá có xu hướng tăng. Với đặc thù ngành dây cáp điện là nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn và một phần được nhập khẩu từ các nước lân cận như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, nên khi tỷ giá có biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác, các sản phẩm của CADIVI được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như Mỹ, Indonesia, Myanmar, Campuchia, vì thế, những biến động tiêu cực về tỷ giá hối đoái khi nhập khẩu nguyên liệu có thể được bù trừ với hoạt động xuất khẩu dẫn đến CADIVI sẽ không ảnh hưởng nhiều từ biến động tỷ giá.

Rủi ro về thị trường: Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI được nhập vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật đòi hỏi phải có chất lượng rất tốt theo các chuẩn mực kỹ thuật cao. Hiện nay, toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đã đạt được, phù hợp với yêu cầu của những thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn kỹ thuật của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty. Hoạt động xuất nhập khẩu luôn gắn liền với những thông lệ, tập quán quốc tế cũng như những ràng buộc về mặt pháp lý của các nước nhập khẩu. Còn nhiều yếu tố khác quan từ luật pháp các nước sở tại như chính sách bảo hộ, các quy định về mẫu mã, bao bì, thương hiệu sản phẩm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh: Áp lực cạnh tranh trong ngành dây cáp điện hiện nay rất lớn khi có gần 200 doanh nghiệp dây cáp điện lớn nhỏ trong nước đang hoạt động. Hệ thống quản lý chất lượng của Nhà nước chưa được chặt chẽ nên có nhiều công ty nhỏ lẻ vì mục đích lợi nhuận đã cho ra đời những sản phẩm có giá bán rẻ nhưng chất lượng thấp, không đảm bảo độ an toàn cho người sử dụng, ảnh hưởng đến thương hiệu và uy tín cho ngành dây cáp điện Việt Nam. Ngoài ra, CADIVI còn phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp lớn của nước ngoài, đặc biệt là các thương hiệu lớn trong khu vực ASEAN. Điều này đòi hỏi CADIVI phải nỗ lực trong việc quản lý và vận hành sản xuất, đáp ứng được chất lượng nhưng vẫn giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh.

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu CADIVI niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển; và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu CADIVI sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị



trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bảo lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Ông Nguyễn Hoa Cường	-	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Lộc	-	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dung	-	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hữu Luyện	-	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Phạm Tuấn Anh	-	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Ông Nguyễn Hồng Nam	-	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
---------------------	---	----------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK TP.HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSX”)
- Công ty / CADIVI: Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BTGD: Ban Tổng Giám đốc
- TGD: Tổng Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- Quy chế quản trị Công ty: Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- CP: Cổ phần
- KCN: Khu công nghiệp
- Công ty TNHH MTV: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
- TYA: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
- NHW: Công ty Cổ phần Ngô Han
- VKC: Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
- Thuế TNDN: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Thuế TNCN: Thuế Thu nhập cá nhân
- XN: Xí nghiệp
- UBND: Ủy ban Nhân dân
- LĐLĐ: Liên đoàn Lao động
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- PH: Phát hành
- QLDN: Quản lý Doanh nghiệp



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: VIETNAM ELECTRIC CABLE CORPORATION
- Tên viết tắt: CADIVI
- Trụ sở chính: 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (+84-8) 38 29 94 43
- Fax: (+84-8) 38 29 94 37
- Website: www.cadivi-vn.com / www.cadivi.com.vn
- Email: cadivi@cadivi.vn / cadivi@cadivi.com.vn
- Nơi mở tài khoản:

STT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản
1	NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	102010000087634
2	NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN TP.HCM	200014851046872

- Vốn điều lệ hiện tại: 288.000.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám tỷ đồng*).

Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0300381564 (số cũ 4103007511) đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26/6/2014 ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam là:

- Sản xuất dây cáp điện;
- Sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện;
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại màu;
- Mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại;
- Mua bán sản phẩm từ kim loại màu;
- Kinh doanh nhà ở; đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê
- Sản xuất thiết bị phụ tùng máy móc, vật tư các loại.



1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Với hơn 39 năm trưởng thành và phát triển cùng với nhiều thách thức, nỗ lực, CADIVI đã từng bước trưởng thành và vươn lên trở thành một trong những Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các loại dây và cáp điện cũng như liên tục mở rộng sự phát triển của thương hiệu đến những thị trường mới trên thế giới.

Những cột mốc phát triển quan trọng	
1975	▪ Quyết định của Tổng Cục Cơ khí Luyện kim và Điện tử số 220/TCCCK ngày 6/10/1975. Thành lập Công ty Dây Đồng Miền Nam trực thuộc Tổng Cục Cơ khí.
1976	▪ Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 237-CP ngày 3/12/1976. Thành lập Công ty Luyện kim Màu trực thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim.
1982	▪ Quyết định của Bộ Cơ khí và Luyện kim số 210/CL-VP ngày 29/9/1982. Thành lập XNLH Cán Kéo Dây Đồng và Nhôm trực thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim.
1989	▪ Quyết định của Bộ Cơ khí và Luyện kim số 207/CL-TC ngày 6/11/1989 đổi tên XNLH Cán Kéo Dây Đồng và Nhôm thành XN liên hợp Dây và Cáp Điện.
1995	▪ Quyết định của Bộ Công nghiệp nặng số 238 QĐ/TCCBĐT ngày 23/3/1995 về việc đổi tên XNLH Dây và Cáp Điện thành Công ty Dây và Cáp Điện Việt Nam.
2004	▪ Quyết định của Bộ Công nghiệp số 173/2004/QĐ-BCN ngày 21/12/2004 về việc chuyển Công ty Dây và Cáp Điện Việt Nam thành Công ty TNHH Nhà nước MTV Dây và Cáp Điện Việt Nam.
2007	▪ Quyết định của Bộ Công nghiệp số 2226/QĐ-BCN ngày 28/6/2007 phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Dây và Cáp Điện Việt Nam thành Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam.
Tháng 9/2007	▪ Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận trở thành Công ty đại chúng.
2009	▪ Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam hoàn tất thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 192.000.000.000 (<i>Một trăm chín mươi hai tỷ</i>) đồng.
2012	▪ Phê duyệt tăng vốn điều lệ từ 192.000.000.000 đồng lên 249.599.952.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2012.
2013	▪ Công ty tăng vốn điều lệ lên 288.000.000.000 (<i>Hai trăm tám mươi tám tỷ</i>) đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/06/2014.



1.3 Các thành tích:

Trải qua 39 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, CADIVI đã:

❖ **Được Nhà nước trao tặng các danh hiệu:**

- Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2005;
- Huân chương Độc lập hạng nhì 2012;
- Huân chương độc lập hạng ba năm 2000;
- Huân chương lao động hạng nhất năm 1996;
- Huân chương lao động hạng nhì năm 1990;
- Huân chương lao động hạng ba các năm 1985, 1986;
- Huân chương chiến công hạng ba năm 1992;
- Cờ luân lưu của Chính phủ các năm 1993, 1994, 1995, 2001, 2002, 2003, 2004;
- Cờ và bằng khen công đoàn cơ sở vững mạnh của Tổng LĐLĐ Việt Nam các năm 1994, 1997, 1998, 2000, 2002, 2003, 2004;
- Cờ công đoàn cơ sở vững mạnh của Công đoàn Công nghiệp Việt Nam từ năm 2001 – 2004;
- Bằng khen của UBND TP.HCM, UBND tỉnh Đồng Nai, Tổng LĐLĐ Việt Nam, Công đoàn ngành, Liên đoàn Lao động TP.HCM và tỉnh Đồng Nai từ năm 1995 – 2004;
- Cờ thi đua xuất sắc của UBND TP.HCM các năm 1998, 2001;
- Cờ thi đua Chính phủ các năm 1993, 1994, 1995, 2001, 2002, 2003, 2004, 2009, 2010 & năm 2012.

❖ **Riêng về lĩnh vực chất lượng, CADIVI đã đạt được:**

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9002:1994 do Tổ chức AFAQ và QUACERT cấp năm 1998, ISO 9001:2000 do Tổ chức QUACERT cấp năm 2002, năm 2008 và ISO 9000:2008 do Tổ chức QUACERT cấp năm 2010 và 2013;
- Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” trong 18 năm liên tục, từ năm 1997 đến năm 2014;
- Danh hiệu Doanh nghiệp TP.HCM tiêu biểu năm 2013;
- Cúp vàng vì sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam do Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam trao tặng 2008, 2009;
- Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương 2009 (IAPQA 2009); Giải vàng Chất lượng Việt Nam do Bộ Khoa học và Công nghệ tặng năm 2008; Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2007;
- Đạt danh hiệu Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2012, 2013 do Bộ Công thương xét chọn;



- Đứng trong bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2007, 2010, 2011, 2012 và 2013;
- Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng - Trusted Quality Supplier 2013;
- Đạt giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009 và Danh hiệu Công ty đại chúng tiêu biểu dành cho các Doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp vì Cộng đồng lần I” năm 2009 do Bộ Công thương bình chọn;
- Danh hiệu Top Siêu cúp Nhãn hiệu Nổi tiếng Quốc gia do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng năm 2008, Top 10 nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam 2013;
- Đạt giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc lần thứ I năm 2009 do Bộ Công thương chứng nhận;
- Bằng khen Top 15 Doanh nghiệp xuất sắc nhất giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển” năm 2007 do Ban Tuyên Giáo – Đảng Cộng sản Việt Nam trao tặng;
- Chứng nhận “Thương hiệu dẫn đầu Hàng Việt Nam chất lượng cao” do Người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức năm 2007;
- Chứng nhận nằm trong bảng xếp hạng 200 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do UNDP công bố (Top 200);
- Chứng nhận đạt giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam” 2004 – 2005 - 2006 do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao giải;
- “Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam” do Người tiêu dùng bình chọn năm 2006 trong chương trình Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Công ty AC Nielsen Việt Nam thực hiện;
- Danh sách 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2006 do Người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức;
- Cúp vàng Thương hiệu Ngành xây dựng Việt Nam tại Triển lãm Quốc tế Vietbuild 2007 – Xây dựng - Vật liệu xây dựng - Nhà ở & trang trí nội ngoại thất;
- Cúp vàng sản phẩm Việt uy tín chất lượng 2006;
- Cúp vàng Thương hiệu Công nghiệp hàng đầu Việt Nam năm 2006 do Bộ Công nghiệp tặng;
- Đạt Nhãn hiệu Nổi tiếng Quốc gia trong chương trình Tư vấn & Bình chọn Nhãn hiệu cạnh tranh – Nổi tiếng Quốc gia 2006;
- Chứng nhận Cúp vàng ISO năm 2006 do Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận;
- Được bình chọn thương hiệu “Việt Nam Tốt Nhất” năm 2007 trong lĩnh vực Thiết Bị Điện do Báo Điện Tử VietnamNet chứng nhận;
- Được tặng cúp “Vì sự nghiệp phát triển năng lượng Việt Nam” năm 2007 do Hiệp hội Đầu tư Xây dựng năng lượng Việt Nam (VEA) trao;
- Công ty được UBND TP. Hồ Chí Minh chọn là sản phẩm Công nghiệp chủ lực của TP.HCM;



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



- Thương hiệu được ưa thích nhất các năm 1998 và 2001;
- Cúp “Ngôi sao Chất lượng” năm 2003;
- Nhân hiệu có uy tín tại Việt Nam năm 2003;
- Danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng với Người tiêu dùng” năm 2004, 2005, 2006 và 2007;
- Cúp vàng Topten sản phẩm uy tín chất lượng hàng đầu năm 2005;
- Và nhiều Huy chương Vàng, Huy chương Bạc cho các loại sản phẩm của CADIVI tại các kỳ hội chợ quốc gia và quốc tế.



Hàng Việt Nam chất lượng cao – 17 năm liền



Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt



Thương hiệu quốc gia



Giải vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia



Giải nhất Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương (IAPQA) 2009



Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2012



Huân chương Độc lập hạng Nhì

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Năm 2007, CADIVI chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 160 tỷ đồng. Cùng với sự phát triển của Công ty, vốn điều lệ lần lượt thay đổi như sau:

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Phương thức tăng vốn	Mục đích
Năm 2007		160.000.000.000	Vốn thành lập CTCP	
Lần 1: 01/2009	7.973.000.000	192.000.000.000	Phát hành cho Cán bộ công nhân viên của Công ty	Tái cơ cấu nguồn vốn kinh doanh.
Lần 2: 10/2009	24.027.000.000		Phát hành cổ phần ra công chúng (thông qua đấu giá)	



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Phương thức tăng vốn	Mục đích
Lần 3: 07/2012	57.599.920.000	249.599.920.000	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2011	Bổ sung vốn lưu động
Lần 4: 10/2013	30.451.190.000	288.000.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
	7.948.890.000		Phát hành cho Đối tác chiến lược	

Nguồn: CADIVI

Chi tiết quá trình tăng vốn:

Đợt 1: Tháng 10/ 2009 (Tăng vốn từ 160 tỷ đồng lên 192 tỷ đồng)	
- Vốn điều lệ trước khi phát hành ("PH"):	160.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi PH:	192.000.000.000 đồng
- Mệnh giá:	10.000 đồng / cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu PH:	3.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước PH:	917 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau PH:	1.249 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận PH cổ phiếu của đợt 1:	UBCKNN
<i>Trong đó</i>	
1. Phát hành cổ phần cho Cán bộ công nhân viên	
- Số lượng PH:	797.300 cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền:	Danh sách CBCNV được phân bổ tại thời điểm 22/09/2008
- Giá PH:	10.000 đồng / cổ phiếu
- Ngày chốt danh sách Cán bộ công nhân viên:	22/09/2008
- Ngày PH:	28/12/2008 – 05/01/2009
- Số lượng Cán bộ công nhân viên được phân phối:	663 người

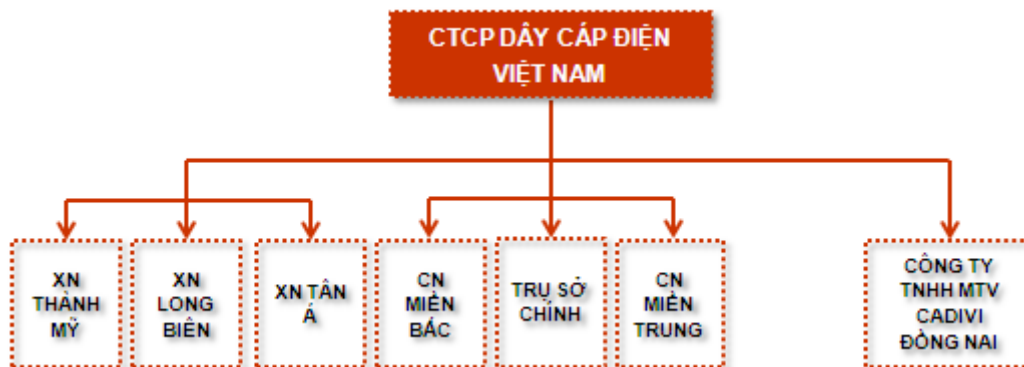


2. Phát hành cổ phần ra công chúng (thông qua đấu giá)		
- Số lượng PH:	2.402.700	cổ phiếu
- Giá đấu bình quân:	20.004	đồng / cổ phiếu
- Ngày bắt đầu PH:	17/07/2009	
- Ngày kết thúc PH:	31/10/2009	
- Số lượng người được phân phối:	179	người
Đợt 2: Tháng 07/ 2012 (Tăng vốn từ 192 tỷ đồng lên 249,6 tỷ đồng)		
- Vốn điều lệ trước khi phát hành ("PH"):	192.000.000.000	đồng
- Vốn điều lệ sau khi PH:	249.599.920.000	đồng
- Mệnh giá:	10.000	đồng / cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu PH:	5.759.992	cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước PH:	1.186	cổ đông
- Số lượng cổ đông sau PH:	1.186	cổ đông
- Cơ quan chấp thuận PH cổ phiếu của đợt 2:	UBCKNN	
<i>Trong đó:</i>		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu		
- Số lượng PH:	5.759.992	cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền:	30%	
- Ngày chốt danh sách cổ đông:	02/07/2012	
- Ngày PH:	06/07/2012	
- Số lượng cổ đông:	1.186	cổ đông
Đợt 3: Tháng 10/2013 (Tăng vốn từ 249,6 tỷ đồng lên 288 tỷ đồng)		
- Vốn điều lệ trước khi phát hành ("PH"):	249.599.920.000	đồng
- Vốn điều lệ sau khi PH:	288.000.000.000	đồng
- Mệnh giá:	10.000	đồng / cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu PH:	3.840.008	cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước PH:	1.157	cổ đông
- Số lượng cổ đông sau PH:	1.171	cổ đông
- Cơ quan chấp thuận PH cổ phiếu của	UBCKNN	

đợt 3:		
Trong đó:		
1. Phát hành cổ phần cho Cổ đông hiện hữu		
- Số lượng PH:	3.045.119	cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền:	12,20%	
- Giá PH:	15.000	đồng / cổ phiếu
- Ngày chốt danh sách cổ đông:	12/09/2013	
- Ngày kết thúc PH:	18/10/2013	
- Số lượng cổ đông:	875	cổ đông
2. Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược (Đối tác chiến lược này cũng là Cổ đông hiện hữu)		
- Số lượng PH:	794.889	cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013 về việc phân phối cho đối tác chiến lược	
- Giá PH:	15.000	đồng / cổ phiếu
- Ngày kết thúc PH:	18/10/2013	
- Số lượng đối tác:	1	đối tác

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

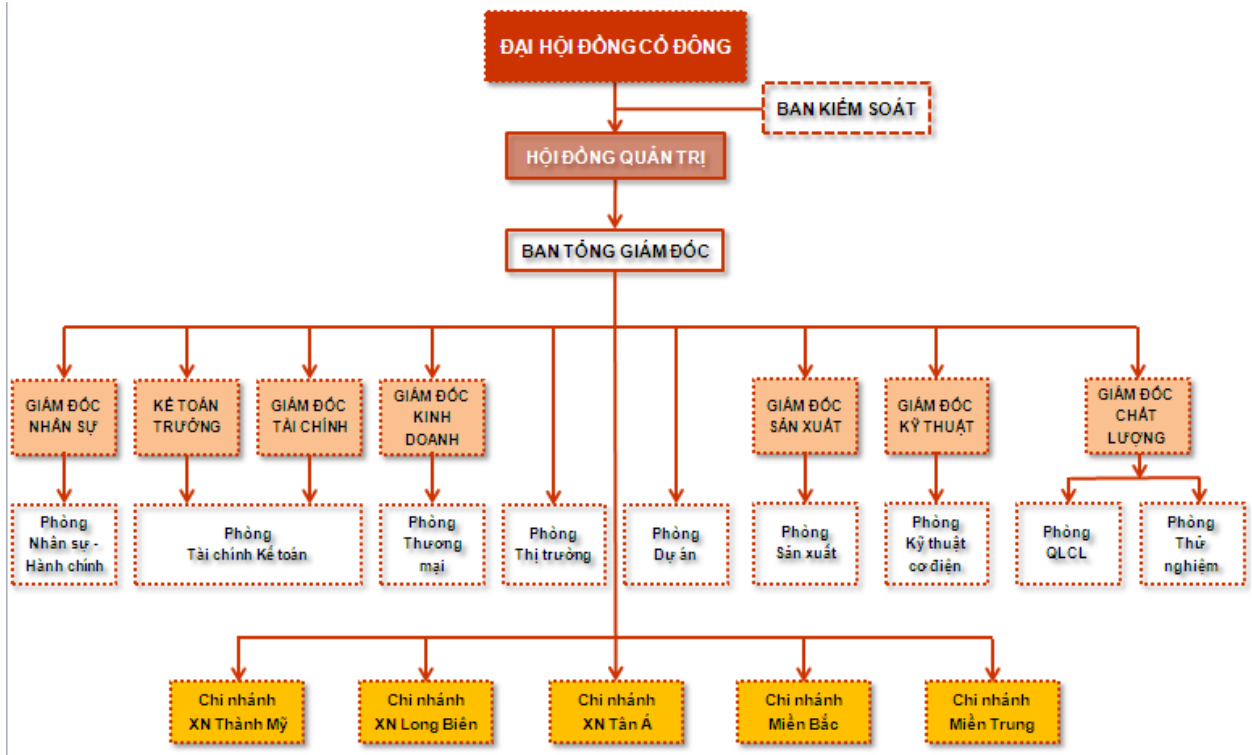
Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: CADIVI

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CADIVI

Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của CADIVI. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Nghĩa Đàn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Lộc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên HĐQT



Ông Lê Quang Định

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, TGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

Ông Phạm Tuấn Anh

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Dư Vĩnh Hồng Quân

Thành viên BKS

Ông Ngô Quang Hùng

Thành viên BKS

Ban Điều Hành

Ban điều hành của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc.

Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh.

Ông Nguyễn Lộc

Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Ông Lê Quang Định

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

Ông Nguyễn Dung

Phó TGĐ

Ông Nguyễn Trung Trường

Phó TGĐ

Ông Võ Hữu Luyện

Kế toán trưởng

Chức năng & Nhiệm vụ của các Phòng Ban:**Phòng Kế toán – Tài chính:**

- Chức năng: Quản lý và thực hiện công tác tài chính và quản lý thực hiện công tác kế toán.
- Nhiệm vụ:
 - ✓ Quản lý công tác tài chính: Tổ chức thực hiện theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tài chính; Thực hiện công tác quản trị tài chính, tư vấn cho Tổng Giám đốc về việc huy động và cân đối các nguồn vốn; Huy động và quản lý các nguồn vốn; Kiểm tra giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ; Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;
 - ✓ Quản lý công tác kế toán: Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán của Việt Nam; Cung cấp thông



tin tài liệu, số liệu kế toán kịp thời, đầy đủ và trung thực cho các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Các Báo cáo tài chính định kỳ theo chuẩn mực và chế độ kế toán quy định;

- ✓ Quản lý công tác kế toán quản trị: Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo phạm vi, nội dung kế toán quản trị của Công ty xác định theo từng thời kỳ, phục vụ yêu cầu Tổng Giám đốc; Kiểm tra giám sát các đơn vị trong Công ty về việc thực hiện các định mức tiêu chuẩn dự toán của Công ty ban hành; Cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị nội bộ của Công ty bằng báo cáo kế toán quản trị;

Phòng Nhân sự - Hành chính:

- Chức năng: Quản lý công tác nhân lực và quản lý công tác hành chính, bảo vệ, tự vệ và phòng cháy chữa cháy.
- Nhiệm vụ:
 - ✓ Quản lý công tác nhân lực: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, theo dõi kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện các chính sách nhân sự; Xây dựng thang bảng lương, định mức lao động và các quy chế, chính sách lương phù hợp; Lập kế hoạch tổ chức thực hiện, theo dõi và kiểm tra thực hiện các chính sách, chế độ lao động theo luật định;
 - ✓ Quản lý công tác hành chính và an ninh: Tiếp nhận và xử lý các văn bản và tài liệu đến / đi; Quản lý và sử dụng hồ sơ, con dấu, tổng đài điện thoại và mạng nội bộ; Tổ chức các công tác lễ tân, hội họp và tạp vụ, công tác mua sắm, sử dụng, sửa chữa bảo trì điện nước, văn phòng phẩm, ...; Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát công việc bảo vệ, tự vệ, phòng cháy chữa cháy tại Công ty.

Phòng Thương mại:

- Chức năng:
 - ✓ Hoạch định tổ chức thực hiện và điều hành công tác bán hàng trong và ngoài nước;
 - ✓ Tổ chức triển khai các hợp đồng đã ký, trên cơ sở hàng tồn kho đề nghị sản xuất mới, theo dõi và quản lý công nợ trong toàn Công ty;
 - ✓ Xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.
- Nhiệm vụ:
 - ✓ Hoạch định và tổ chức các công tác bán hàng;
 - ✓ Kiểm soát hợp đồng bán hàng;
 - ✓ Quản lý các đại lý;
 - ✓ Kiểm soát công nợ;
 - ✓ Cung ứng sản phẩm cho các Chi nhánh;
 - ✓ Quan hệ quốc tế, xuất khẩu sản phẩm;
 - ✓ Tiếp cận các dự án;



- ✓ Chăm sóc khách hàng, hậu mãi.

Phòng Thị trường:

- Chức năng:
 - ✓ Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường trong và ngoài nước;
 - ✓ Công tác tiếp thị quảng cáo, xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước;
 - ✓ Công tác đấu thầu chào giá.
- Nhiệm vụ:
 - ✓ Nghiên cứu, phát triển thị trường trong và ngoài nước: Hoạch định nghiên cứu, phát triển đối thủ cạnh tranh, phân tích thị trường khách hàng; Nghiên cứu lựa chọn thị trường mục tiêu;
 - ✓ Tiếp thị, quảng cáo, bảo vệ và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước; Xây dựng các kế hoạch tiếp thị, quảng cáo, xúc tiến thương mại và triển khai thực hiện; Tổng hợp, phân tích, đánh giá hiệu quả các chương trình tiếp thị, quảng cáo, xúc tiến thương mại báo cáo Tổng Giám đốc; Lập kế hoạch và triển khai chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu; Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các biện pháp để bảo vệ có hiệu quả thương hiệu không bị xâm hại;
 - ✓ Đấu thầu, chào giá các dự án: Nghiên cứu tham gia đấu thầu các Dự án ngành điện và các dự án trong và ngoài nước; Thu thập thông tin và lựa chọn các gói thầu, chào giá có thể tham gia; Phân tích yêu cầu thầu, chào giá và xác nhận tham gia dự thầu, chào giá và các công tác khác liên quan.

Phòng Sản xuất:

- Chức năng và nhiệm vụ chính:
 - ✓ Kế hoạch: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo chiến lược phát triển; Lập báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh, ...;
 - ✓ Điều độ sản xuất: Điều phối hoạt động sản xuất các đơn vị trong toàn Công ty căn cứ vào năng lực thiết bị và lợi thế của từng đơn vị; quản lý tồn kho thành phẩm toàn Công ty;
 - ✓ Tính giá: Trên cơ sở các thông tin về giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào để tính các phương án giá cho bộ phận bán hàng, bộ phận đấu thầu và dự án, các bộ phận khác theo yêu cầu; quản lý các hồ sơ tính giá theo quy chế “MẬT”;
 - ✓ Cung ứng: Hoạch định, tổ chức thực hiện cung ứng vật tư, nguyên liệu trong toàn Công ty, giám sát việc cung ứng vật tư, nguyên liệu cho các đơn vị để phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất của các đơn vị.

Phòng Quản lý Chất lượng:

- Chức năng và nhiệm vụ chính:



- ✓ Kiểm tra, giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn vật tư, sản phẩm trong sản xuất : Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, sản phẩm trong toàn Công ty; Kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận chất lượng các vật tư đầu vào; Giám sát việc thực hiện theo các tiêu chuẩn, thủ tục, hướng dẫn kiểm soát chất lượng ở các công đoạn trong quá trình sản xuất tại Xí nghiệp;
- ✓ Quản lý công tác đo lường và phương tiện đo: Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác đo lường; Xây dựng, quản lý phương tiện đo dùng để kiểm tra chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty; Hướng dẫn sử dụng và bảo quản; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm định / hiệu chuẩn, bảo trì phương tiện đo;
- ✓ Công bố và áp dụng các tiêu chuẩn sản phẩm : Thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hoá theo quy định của pháp luật; Giám sát việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn chất lượng đã công bố; Tổ chức thực hiện chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Tổ chức thực hiện chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm CADIVI theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; Tổ chức chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với luật pháp quy định;
- ✓ Quản lý tài liệu, hồ sơ chất lượng: Thực hiện kiểm soát, cập nhật các tiêu chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu liên quan đến công tác đo lường, công tác kiểm tra thử nghiệm, công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá;

Phòng Dự án:

- Chức năng và nhiệm vụ chính:
 - ✓ Nghiên cứu, lập các dự án đầu tư: Nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty; Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi của các dự án đầu tư; Nghiên cứu, đề xuất các đối tác có tiềm lực tài chính, công nghệ để hợp tác thực hiện các dự án đầu tư của Công ty;
 - ✓ Quản lý và điều hành các dự án đầu tư đã được phê duyệt: Chuẩn bị các yếu tố về nhân sự, pháp lý, tài chính để triển khai thực hiện dự án; Lập, trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, chào giá, chỉ định thầu, tổ chức đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định; Chỉ đạo, điều phối hoạt động của các bên tham gia thực hiện dự án theo ủy quyền của Tổng Giám đốc; Tổ chức nghiệm thu, đề nghị thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng với các nhà thầu theo hợp đồng đã ký kết; Tổng kết và đánh giá hiệu quả của dự án nhằm rút kinh nghiệm và cải tiến cho các dự án sau....

Các Xí nghiệp:

- Trực tiếp quản lý điều hành Xí nghiệp; Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực sản xuất của Xí nghiệp và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quản lý, sử dụng các loại tài sản: Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu, sản phẩm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp theo quy định và phân cấp của Công ty;



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



- Công tác kế toán, báo cáo quyết toán theo định kỳ; Công tác kế hoạch, điều độ sản xuất, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp hàng tháng, quý, năm theo quy định;
- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường; Xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu theo phân cấp của Công ty; Giao dịch, đàm phán, ký kết Hợp đồng kinh tế với khách hàng theo ủy quyền của Tổng Giám đốc;
- Quản lý và thu hồi công nợ khách hàng;
- Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện, kiểm tra chất lượng của Xí nghiệp theo phân cấp; Công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy trong phạm vi Xí nghiệp.

Các Chi nhánh:

- Trực tiếp quản lý điều hành Chi nhánh; Tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quản lý, sử dụng các loại tài sản: Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh theo quy định và phân cấp của Công ty;
- Công tác kế toán, báo cáo quyết toán theo định kỳ; Công tác kế hoạch bán hàng, tổng hợp báo cáo tình hình kinh doanh của Chi nhánh hàng tháng, quý, năm theo quy định;
- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường; Xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu theo phân cấp của Công ty; Giao dịch, đàm phán, ký kết Hợp đồng kinh tế với Khách hàng theo ủy quyền của Tổng Giám đốc;
- Xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống đại lý theo phân cấp của Công ty;
- Quản lý và thu hồi công nợ khách hàng;
- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy của Chi nhánh.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 05/08/2014

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	18.721.824	65,01%
Tổng cộng			18.721.824	65,01%

Nguồn: CADIVI



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	18.721.824	65,01%
Tổng cộng			18.721.824	65,01%

Nguồn: CADIVI

4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 05/08/2014

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số Cổ phần	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông bên trong	487	2.462.291	8,55%
1	HĐQT, BKS, BTGD, KTT, GĐTC	10	420.361	1,46%
2	CBCNV	477	2.041.930	7,09%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
II	Cổ đông bên ngoài	615	26.337.709	91,45%
1	Cổ đông trong nước	600	26.317.929	91,38%
-	Cá nhân	586	4.514.285	15,67%
-	Tổ chức	14	21.803.644	75,71%
2	Cổ đông nước ngoài	15	19.780	0,07%
-	Cá nhân	15	19.780	0,07%
-	Tổ chức	-	-	-
TỔNG CỘNG		1.102	28.800.000	100,00%

Nguồn: CADIVI

5. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

5.1 Danh sách Công ty mẹ:

Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn (%)
Tổng CTCP Thiết bị Điện Việt Nam Trụ sở: 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà	1.400.000.000.000	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công	65,01%



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn (%)
<p>Nội, Việt Nam</p> <p>Tổng CTCP Thiết bị Điện Việt Nam là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực chế tạo Thiết bị đo điện với các sản phẩm chủ lực mang thương hiệu EMIC như: Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng; Công tơ điện tử đa chức năng; Máy biến dòng, biến áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác.</p> <p>Nhận chuyển giao thiết kế, công nghệ và dây chuyền sản xuất từ các hãng danh tiếng trên thế giới như Hãng Landis+Gyr của Thụy Sĩ cho các sản phẩm Công tơ điện; Hãng Hunstman của Mỹ cho Máy biến dòng, biến áp đo lường, ...</p>		<p>ngiệp, nông nghiệp và dân dụng;</p> <p>Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha, ...</p> <p>Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp; các công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;</p> <p>Kinh doanh Bất động sản, Khách sạn, Du lịch, ...</p> <p>Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, máy móc.</p>	

Nguồn: CADIVI

5.2 Danh sách các công ty con

Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn (%)
<p>Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai</p> <p>Trụ sở: Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai</p> <p>Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai là Công ty con của CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603058326, đăng ký lần đầu ngày 11/6/2013.</p> <p>Với tổng diện tích 4,5 ha, CADIVI Đồng Nai sở hữu lò nấu đúc đồng theo công nghệ UPCAST của Phần Lan với công suất tối đa khoảng 10.000 tấn / năm và nhiều thiết bị sản xuất dây cáp khác từ Thụy Sĩ, Bỉ, Đài Loan.</p>	100.000.000.000	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, cáp viễn thông.	100%

Nguồn: CADIVI



5.3 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản lượng sản phẩm / giá trị dịch vụ qua các năm

6.1.1 Các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

❖ Các sản phẩm chính:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là chuyên sản xuất các loại dây và cáp điện phục vụ rộng rãi cho các ngành kinh tế quốc dân cũng như các nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt thường ngày và cho xuất khẩu. Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty Điện lực; các nhà thầu xây lắp điện dân dụng, công nghiệp; các nhà sản xuất, các nhà đầu tư có sử dụng máy, thiết bị công nghiệp; các cộng đồng dân cư và các hộ gia đình. Trong những năm qua, sản phẩm dây và cáp điện mang nhãn hiệu CADIVI luôn được khách hàng đánh giá cao.

Một số loại sản phẩm CADIVI sản xuất và cung cấp:

- Các loại dây điện bao gồm các loại dây điện dân dụng, dây điện lực, dây điện ô tô, dây điện thoại trong nhà, dây nhôm lõi thép, dây nhôm trần xoắn, dây đồng trần xoắn.
- Các loại cáp điện bao gồm các loại cáp điện lực, cáp văn xoắn, cáp trung thế ngầm và trung thế treo điện áp đến 35kV, cáp điện kế, duplex, multiplex, cáp đồng trục, cáp instrument, cáp chống cháy, cáp chậm cháy ít khói không có khí độc, cáp điều khiển, cáp chống thấm vv...
- Các loại dây điện từ dây vuông dẹp giáp giấy và không giáp giấy, khí cụ điện, đồng thau, nhôm hình, hạt nhựa PVC v.v..

Một số hình ảnh về sản phẩm chính của Công ty:

**Dây điện dân dụng:**

- Dây điện bọc nhựa PVC dùng cho các thiết bị điện trong nhà.

Dây điện lực:

- Dây điện lực hạ thế CV: Dây điện lực ruột đồng cách điện bằng nhựa PVC, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.
- Dây điện lực hạ thế AV: Dây điện lực ruột nhôm, cách điện bằng nhựa PVC, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.

**Dây điện lực:**

- Dây điện lực hạ thế AX: Dây điện lực ruột nhôm, cách điện bằng nhựa XLPE, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.

Dây điện từ:

- Dây tráng men ruột đồng tròn: Tùy theo yêu cầu của Khách hàng, CADIVI có khả năng sản xuất các loại dây tráng 1 hay 2 lớp men, trên máy tráng men nằm hoặc máy tráng men đứng.

**Cáp điện lực:**

- Cáp điện lực hạ thế 1 - 4 lõi: Cáp điện lực hạ thế 1 - 4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC (CVV – 0,6 / 1 kV).
- Cáp điện lực dẹt hạ thế 2 - 3 lõi: Cáp điện lực dẹt 2 - 3 lõi, ruột đồng, cách điện và vỏ bằng nhựa PVC, dùng để phân phối điện trong dân dụng, cấp điện áp 450 / 750 hoặc 600 / 1000 V, tần số 50Hz, lắp đặt cố định.



Cáp trung thế:

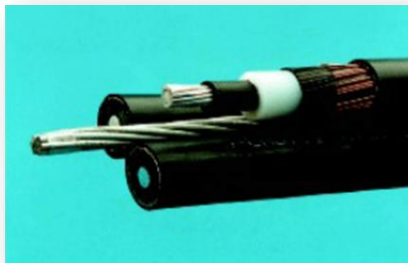
- Cáp trung thế treo có màn chắn ruột dẫn.

Cáp chống cháy:

- Dây & cáp chống cháy CX/FR; CXV/FR-0.6/1kV.
- Dây & cáp chống cháy, ít khói & không có khí độc CXE/LSFH 0.6/1 kV.

Cáp điều khiển:

- Cáp điều khiển 1 - 30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC - DVV – 0,6/1 kV.



Cáp vận xoắn:

- Cáp vận xoắn hạ thế 2, 3, 4 lõi ruột nhôm, cách điện XLPE (LV - ABC): dùng để truyền tải, phân phối điện, cấp điện áp 0,6 / 1 kV, treo trên không.
- Cáp vận xoắn trung thế (HV - ABC – 6,35 / 11(12) KV -12,7 / 22(24) kV): Cáp vận xoắn trung thế ruột nhôm, cách điện bằng XLPE, dùng để truyền tải, phân phối điện, cấp điện áp 6,35 / 11(12) KV và 12,7 / 22(24) kV, treo trên không.



Khí cụ điện và phụ kiện

- Các loại cầu dao 2, 3 pha, cầu dao đảo chiều;
- Ống luồn dây điện, ống luồn cứng, ống luồn đàn hồi;

Cáp xuất khẩu

- Cáp Landscape, Power Cord, Pump, UF, ...
- Cán vận xoắn trung thế (MV ABC), hạ thế (LV ABC)

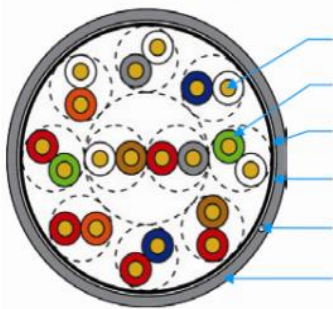
- Phụ kiện ống luồn;
- Hạt nhựa PVC dùng cho dây và cáp điện (TCSX: BS EN 61386, TCVN 6480 - 1:1999).

- Cáp điện lực trung thế, chống cháy các loại
- Dây nhôm trần, dây dân dụng, ... (TCSX: UL 1581, UL 83, UL 62, IEC 60502, AS 3560)



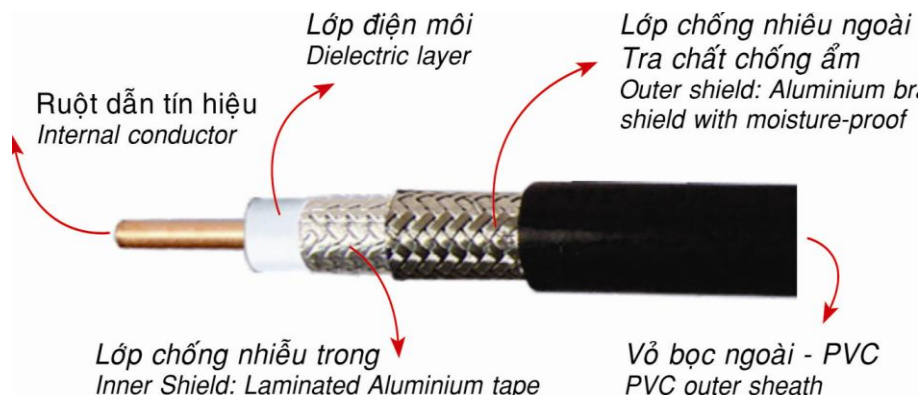
Cáp điện thoại trong nhà

- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 8238:2009
- Dung lượng cáp: 1 ÷ 20 x 2 x 0,4; 0,5



1. Ruột dẫn bằng sợi đồng đơn / *Solid copper conductor*
2. Cách điện PE đặc hoặc foamskin / *Insulation: Solid PE or foamskin*
3. Băng Mylar (tùy chọn) / *Cable core wrapped with polyester tape (option)*
4. Băng quấn nhôm-Polyester chống nhiễu / *Cable core wrapped with Al-foil shielding tape*
5. Dây tách vỏ / *Rip cord*
6. Vỏ PVC / *PVC sheath*

Cáp Instrument



Cáp đồng trục 5C-FB-JF

Toàn bộ các sản phẩm của CADIVI được phân phối chủ yếu qua ba kênh: (i) Kênh đại lý (còn gọi là thị trường nền): chiếm khoảng 75% tổng doanh số bán hàng của Công ty (không bao gồm doanh thu thương mại); (ii) Kênh dự án, - chuyên cung cấp sản phẩm cho các dự án của ngành điện lực chiếm 20% và (iii) kênh xuất khẩu chiếm 5%.

**6.1.2 Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp các sản phẩm của Công ty qua các năm:**❖ **Cơ cấu Doanh thu thuần****Bảng 4: Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm của Công ty**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Dây và cáp điện	3.106.702	91,52%	3.449.139	77,29%	1.692.064	57,82%
3	Dây điện từ	91.573	2,70%	86.434	1,94%	19.633	0,67%
2	Khí cụ điện	22.797	0,67%	21.084	0,47%	5.415	0,19%
4	Khác	173.306	5,11%	905.769	20,30%	1.209.371	41,33%
	Tổng cộng	3.394.378	100,00%	4.462.426	100,00%	2.926.483	100,00%

Nguồn: CADIVI

Doanh thu của CADIVI được phân chia theo bốn nhóm sản phẩm là: dây và cáp điện, dây điện từ, khí cụ điện và các sản phẩm khác. Doanh thu từ các sản phẩm khác chủ yếu là doanh thu thương mại phát sinh từ việc mua và bán lại các sản phẩm đồng nguyên liệu Cathode, dây đồng 8mm và phụ kiện lưới điện.

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, dây và cáp điện với các sản phẩm chủ đạo là cáp ngầm trung thế, cáp điện lực và cáp xuất khẩu là mảng kinh doanh chính và mang về doanh thu cao nhất cho Công ty trong suốt giai đoạn từ năm 2012 đến nay. Doanh thu dây và cáp điện tuy chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu và vẫn tăng trưởng nhưng đang có xu hướng giảm dần về tỷ trọng qua các năm. Cụ thể, tỷ trọng doanh thu dây và cáp điện trong tổng doanh thu thuần đạt lần lượt là 91,25% (năm 2012); 77,29% (năm 2013) và 57,82% (6 tháng đầu năm 2014). Nguyên nhân chính của sự sụt giảm tỷ trọng này là do doanh thu từ các sản phẩm khác tăng trưởng đột biến trong năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014. Bởi trong thời gian này, nhu cầu về dòng sản phẩm đồng nguyên liệu Cathode, dây đồng 8mm và phụ kiện lưới điện từ các khách hàng truyền thống của CADIVI tăng cao, do đó, CADIVI đã đẩy mạnh hoạt động thương mại đối với các sản phẩm này. Tuy nhiên, hoạt động này không tạo ra nhiều lợi nhuận bằng hoạt động sản xuất kinh doanh dây cáp điện nên Công ty chỉ có kế hoạch kinh doanh trong ngắn hạn và không định hướng phát triển mảng kinh doanh này về lâu dài. Ngoài ra, trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 2012 – 2017 và tầm nhìn đến năm 2020 của CADIVI, Công ty chủ yếu phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi là sản xuất dây cáp điện.

Doanh thu từ dây điện từ và khí cụ điện không biến động nhiều và chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu thuần.

❖ **Cơ cấu Lợi nhuận gộp (LNG)****Bảng 5: Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Công ty**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012			Năm 2013			6 tháng đầu năm 2014		
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ suất LNG/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ suất LNG/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ suất LNG/DTT (%)
1	Dây và cáp điện	374.758	97,95	12,06	416.344	96,83	12,07	169.015	93,04	9,99
2	Dây điện tử	510	0,13	0,56	4.979	1,16	5,76	675	0,37	3,44
3	Khí cụ điện	2.488	0,65	10,91	2.418	0,56	11,47	1.024	0,56	18,91
4	Khác	4.850	1,27	2,8	6.229	1,45	0,69	10.948	6,03	0,91
Tổng cộng		382.606	100	11,27	429.970	100	9,63	181.662	100	6,21

Nguồn: CADIVI

Tỷ suất Lợi nhuận gộp trên Doanh thu thuần của Công ty giảm từ 11,27% (năm 2012) xuống còn 9,63% (năm 2013) và 6,21% (6 tháng năm 2014). Nguyên nhân chính là do CADIVI tăng cường các hoạt động giao dịch thương mại đối với các sản phẩm đồng nguyên liệu Cathode, dây đồng 8mm và phụ kiện lưới điện, trong khi các hoạt động này không tạo ra lợi nhuận nhiều như hoạt động kinh doanh các sản phẩm chủ đạo khác của Công ty.

Tương tự như cơ cấu doanh thu thuần, dây và cáp điện chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty (trung bình 97% trong năm 2012 và năm 2013). Tỷ suất Lợi nhuận gộp trên Doanh thu thuần của các sản phẩm Dây và cáp điện giảm từ mức 12% (năm 2012 và 2013) xuống còn gần 10% (6 tháng đầu năm 2014). Nguyên nhân chính như sau: trong 6 tháng đầu năm 2014, giá nguyên liệu đầu vào nhôm và đồng giảm so với cuối năm trước, tuy nhiên Công ty vẫn áp dụng bằng giá bán sản phẩm ban hành từ cuối năm 2013. Để giữ vững thị phần và tăng doanh số, CADIVI đã tăng chiết khấu thương mại cho các đại lý cũng như giảm giá bán cho nhiều đơn hàng của các khách hàng khác, từ đó làm giảm doanh thu thuần của Công ty. Trong khi đó, giá vốn hàng bán của Công ty giảm chậm hơn do ảnh hưởng của giá vốn hàng tồn kho các nguyên liệu đồng và nhôm từ đầu năm, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp của CADIVI giảm so với các năm trước.

Các sản phẩm dây điện tử, khí cụ điện và các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.



6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty là đồng, nhôm và hạt nhựa. Để đảm bảo chất lượng đầu ra, nguyên vật liệu của CADIVI luôn nhập từ các nhà cung cấp đạt tiêu chuẩn, có uy tín trong và ngoài nước.

Bảng 6: Danh sách các Nhà cung cấp nguyên vật liệu

TT	NHÀ CUNG CẤP	XUẤT XỨ	NGUYÊN VẬT LIỆU
1	Tổng CTCP Thiết Bị Điện Việt Nam	Việt Nam	Dây đồng Ø 8 mm
2	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam	Băng nhôm, nhôm Ø9,5 mm
3	Công ty Dây Đồng VN (CFT)	Việt Nam – Nhật	Dây đồng Ø8 mm
4	Hopes Ecotrade International Group	Trung Quốc	Dây thép tráng kẽm
5	Công ty Hóa Chất LG VINA	Việt Nam	Dầu DOP
6	Công Ty TPC – VINA	Việt Nam	Bột PVC
7	Deawoo Int’L	Hàn Quốc	Nhôm Thỏi
8	Sumitomo Corp. Asia Pte	Singapore	
9	Silver Age	Trung Quốc	Nhựa PVC
10	Tep Co.	Việt Nam	
11	Vina Compound	Việt Nam	Nhựa XLPE Trung thế, Hạ Thế
12	3H Corp.	Hàn Quốc	Băng đồng, Băng PET, Nhựa XLPE trung thế
13	Borouge	Singapore	
14	Chemtech	Việt Nam	
15	Sunlane	Đài Loan	Nguyên vật liệu phụ khác
16	TSC	Hàn Quốc	

Nguồn: CADIVI

6.2.2 Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nhằm duy trì chất lượng sản phẩm đầu ra, Công ty đặc biệt coi trọng chất lượng nguồn cung, thời gian giao hàng. Trong thời gian qua, Công ty luôn nỗ lực duy trì mối quan hệ tốt với các đối tác tin cậy, đảm bảo cung cấp nguồn nguyên vật liệu ổn định với giá cả cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty cũng xúc tiến các hoạt động liên kết, hợp tác trong việc sản xuất đồng, nhôm và nhựa để chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu lên doanh thu và lợi nhuận của Công ty****Bảng 7: Tỷ trọng nguyên vật liệu so với giá thành sản phẩm**

Nguyên vật liệu	Tỷ trọng trong giá thành		
	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
- Đồng	74%	80%	77%
- Nhôm	10%	8%	7%
- Hạt nhựa	8%	6%	8%
Tổng cộng	92%	94%	92%

Nguồn: CADIVI

Bảng số liệu trên cho thấy chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm của Công ty (bình quân chiếm 93% tổng giá thành), trong đó đồng là nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất (trung bình 80% tổng chi phí nguyên vật liệu). Do vậy, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tất yếu bị ảnh hưởng rất lớn từ diễn biến giá cả nguyên vật liệu, đặc biệt là giá đồng. Thời gian qua, giá nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp điện (đồng, nhôm) biến động mạnh cũng đã tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó, nhiều nguyên vật liệu của Công ty là nhập khẩu nên biến động tỷ giá cũng là một yếu tố ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của CADIVI.

6.3 Chi phí sản xuất**Bảng 8: Tỷ trọng các yếu tố chi phí trên doanh thu thuần từ năm 2012 đến 6 tháng đầu năm 2014**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị	%/Doanh thu thuần	Giá trị	%/Doanh thu thuần	Giá trị	%/Doanh thu thuần
	Doanh thu thuần	3.394.378		4.462.426		2.926.483	
1	Giá vốn hàng bán	3.011.772	88,73%	4.032.456	90,36%	2.744.820	93,79%
2	Chi phí tài chính	75.405	2,22%	75.062	1,68%	28.921	0,99%
3	Chi phí bán hàng	45.388	1,34%	78.846	1,77%	31.521	1,08%
4	Chi phí QLDN	99.035	2,92%	113.758	2,55%	45.854	1,57%
5	Chi phí khác	57	0,002%	988	0,02%	41	0,001%
	Tổng cộng	3.231.657	95,21%	4.301.110	96,39%	2.851.157	97,43%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2014

Tỷ lệ Chi phí/Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2013 đạt mức 96,39%, tăng nhẹ so với tỷ lệ 95,21% của năm 2012, trong đó:



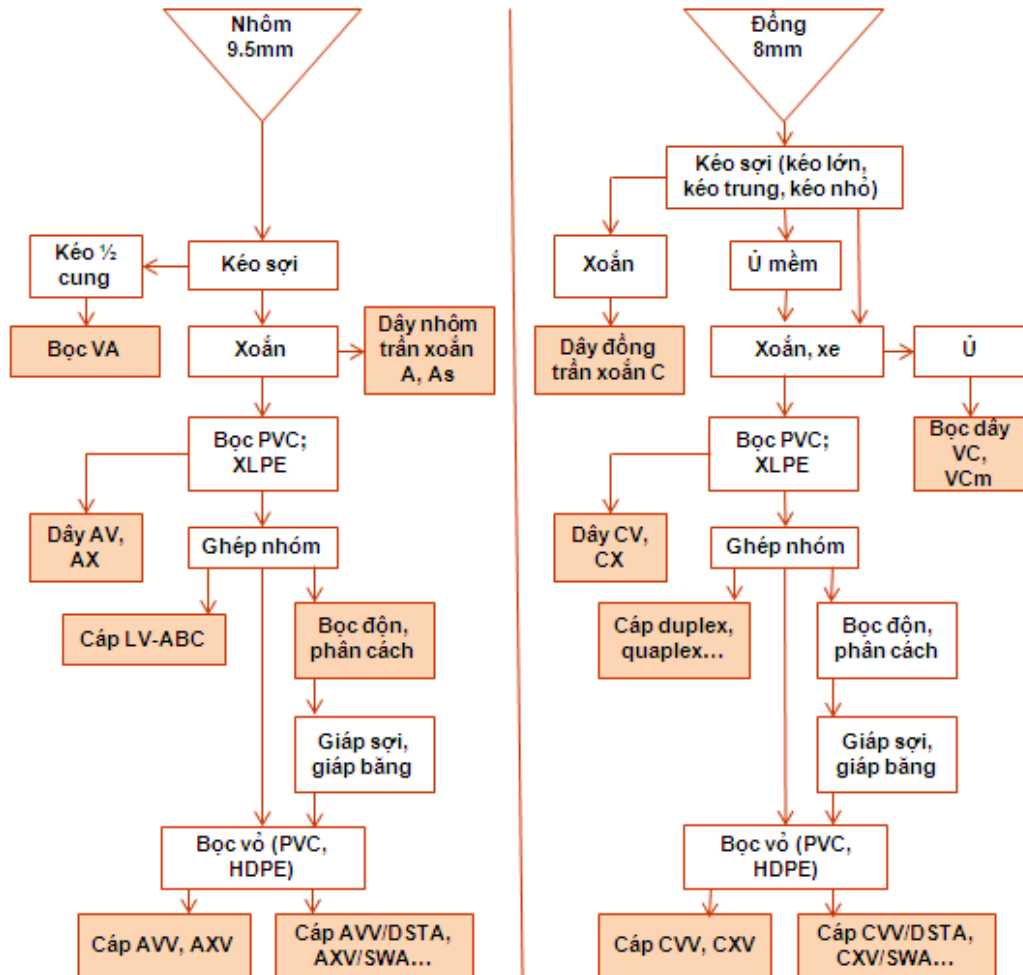
- Giá vốn hàng bán năm 2013 đạt 4.023 tỷ đồng, tăng 33,89% so với năm 2012 trong khi doanh thu chỉ tăng 31,46%, làm cho tỷ trọng Giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần tăng từ 88,73% (năm 2012) lên 90,36% (năm 2013). Nguyên nhân chính là do trong năm 2013, CADIVI đẩy mạnh hoạt động của các dây chuyền sản xuất mới nhập và Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai – công ty con do CADIVI sở hữu 100% đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2013 đã góp phần làm tăng một số chi phí, trong khi doanh thu chưa tăng tương ứng.
- Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần trong năm 2013 đạt 2,55%, giảm 0,37% so với năm 2012. Nguyên nhân là do tốc độ tăng trưởng của doanh thu lớn hơn tốc độ tăng của chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần đạt 1,77% (năm 2013), tăng 0,43% so với năm 2012.
- Chi phí tài chính chiếm 1,68% trong Doanh thu thuần (năm 2013), giảm 0,54% so với năm 2012. Công ty đã kiểm soát tốt các khoản vay chủ yếu là vay ngắn hạn với lãi suất vay ngắn hạn bình quân trong năm 2013 là 7 - 7,5%/năm.

Nhìn chung, công tác quản lý tài chính của Công ty luôn được Ban lãnh đạo hết sức chú trọng. Công ty luôn coi quản trị tài chính, quản lý chi phí tốt là mục tiêu hướng đến lâu dài để có thể kiểm soát chi phí chặt chẽ và ít hao phí nhất.

6.4 Trình độ công nghệ

Trong thời gian qua Công ty đã đầu tư kịp thời vào công tác phát triển kỹ thuật công nghệ nhằm rút ngắn công nghệ, hạ giá thành, đảm bảo cho ra những sản phẩm chất lượng, đáp ứng nhu cầu cao nhất của khách hàng.

Sơ đồ 3: Quy trình công nghệ tổng quát



Nguồn: CADIVI

Với bề dày kinh nghiệm sản xuất kinh doanh hàng chục năm trong ngành sản xuất dây cáp điện, và luôn nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào trong quá trình sản xuất kinh doanh, hiện nay, công nghệ sản xuất sản phẩm của CADIVI rất tiên tiến và hiện đại, sử dụng PLC & PC trong quá trình kiểm soát các thông số kỹ thuật trong sản xuất ở mức tự động hóa cao, đảm bảo sự ổn định và chất lượng sản phẩm làm ra đạt tiêu chuẩn.

Công nghệ sản xuất của CADIVI sản xuất được các sản phẩm phức tạp đáp ứng được nhu cầu của thị trường thay thế cho các sản phẩm ngoại nhập như: Cáp ngầm trung thế, Cáp chống thấm, Cáp chống cháy – Flame Retardant và không sinh ra khí độc hại – Halogen Free, cáp có tiết diện lớn, dây điện từ làm việc ở nhiệt độ cao v.v

CADIVI đã từng bước kết hợp cải tiến với đầu tư chọn lọc, đổi mới dây chuyền thiết bị đồng bộ, theo hướng rút ngắn công nghệ, hiện đại hóa qua hàng loạt các dự án như: Dự án đầu tư thiết bị để chuyển đổi công nghệ, nâng cao năng lực và mở rộng sản xuất; Dự án đầu tư thiết bị xây dựng



Nhà máy sản xuất dây điện ô tô; Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế, hạ thế và điện tử. Đồng thời, Công ty cũng trang bị thêm hàng loạt thiết bị công nghệ thế hệ mới sử dụng PLC cho hệ thống điều khiển tự động như Máy tráng men, Máy xoắn 18+24, Máy xoắn cao tốc, Máy xoắn xi gà, Máy kéo trung ử liên tục, Máy kéo nhỏ, Máy tạo hạt PVC, PK400, Máy bọc thu cuộn và bao gói tự động, Máy kéo 8 đường.

Chất lượng sản phẩm của CADIVI đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế (JIS, IEC, UL, BS, AS, ASTM, DIN) và Việt Nam. Ngoài ra, hàng năm Công ty cũng áp dụng rất nhiều sáng kiến cải tiến có giá trị vào quá trình sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm cũng như uy tín của doanh nghiệp.

6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Với phương châm “*Chất lượng sản phẩm là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty*”, vấn đề kiểm soát chất lượng sản phẩm luôn được Công ty ưu tiên hàng đầu. Các sản phẩm của CADIVI được sản xuất, thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam cũng như các tiêu chuẩn quốc tế thông dụng như IEC, ASTM, JIS, AS, BS, DIN, UL...

Mô hình cải tiến khép kín và liên tục: PDCA (Plan – Do – Check – Act) đã được CADIVI áp dụng trong việc xây dựng chiến lược cũng như quản lý sản xuất, kinh doanh, kiểm soát chất lượng.

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các hệ thống kiểm soát chất lượng: ISO 9000 kết hợp với 5S, hệ thống quản lý đồng bộ TQM nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất, giảm lãng phí ngầm, rút ngắn thời gian giao hàng.

Qua mỗi giai đoạn cải tiến các hệ thống quản lý sản xuất, quản lý chất lượng thì hiệu quả hoạt động của Công ty không ngừng tăng cao, chất lượng sản phẩm ổn định, khẳng định được vị thế của CADIVI trước các đối thủ cạnh tranh.

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Nhằm làm tăng lợi thế cạnh tranh của sản phẩm CADIVI trên thị trường dây và cáp điện, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Ban lãnh đạo Công ty ưu tiên và đặc biệt chú trọng. Công ty có chủ trương, chính sách bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quy trình sản xuất. Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty được ưu tiên tiếp cận với thông tin công nghệ về ngành dây cáp điện thông qua đào tạo, tiếp xúc tại các cuộc triển lãm, hội chợ, hội thảo hoặc tham quan các nhà máy chế tạo dây cáp điện trong và ngoài nước, qua đó nắm bắt thông tin, học hỏi kinh nghiệm để phục vụ cho công tác nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mới, làm phong phú danh mục sản phẩm của Công ty, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Song song đó, CADIVI cũng chú trọng vào việc đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất đạt ngang trình độ với các nước đang phát triển. Với chính sách nghiên cứu, phát triển sản phẩm đúng đắn, cho ra đời những sản phẩm có chất lượng cao, CADIVI đã được trao tặng nhiều giải thưởng, bằng khen về chất lượng, khoa học công nghệ như Giải thưởng chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương năm 2009, Chứng nhận về hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9002:1994



do Tổ chức AFAQ và QUACERT cấp năm 1998; ISO 9001:2000 do Tổ chức QUACERT cấp năm 2002, 2005, 2008 và ISO 9001:2008 do Quacert cấp năm 2011, 2014.

Các dự án phát triển sản phẩm mới của CADIVI bao gồm: sản phẩm dây ô tô, dây điện tử, cáp điều khiển có màng chắn kim loại là sợi đồng, sợi đồng tráng thiếc, cáp Fire Alarm Cable, nhôm hợp kim, dây tráng men self-bonding, dây siêu nhiệt (dây nhôm lõi thép ACSS/TW, ACCR/TW, ACCC/TW ..), khí cụ điện đồng bộ, sợi đồng ROD công nghệ SCR, cáp cao thế 110 kV.

6.7 Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing của Công ty tập trung vào nghiên cứu nhu cầu thị trường và khách hàng, đưa ra phân tích, nhận định hỗ trợ cho định hướng phát triển sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu CADIVI. Chiến lược Marketing cụ thể như sau:

- **Công tác thị trường nội địa:** Trong thời gian qua, với nền tảng phát triển là định hướng phát triển thị trường nền, CADIVI đã và đang dần khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện hàng đầu Việt Nam. Ngoài thị trường trọng điểm là miền Nam, Công ty vẫn đẩy mạnh triển khai các chính sách để xâm lấn, mở rộng thị trường miền Trung, miền Bắc và Tây Nguyên.
- **Đối với thị trường xuất khẩu,** CADIVI quán triệt chủ trương “giữ vững sân nhà để vươn ra sân ngoài”, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước để tạo đà vươn ra thị trường quốc tế. Hiện tại, CADIVI đang đẩy mạnh hoạt động bán hàng sang thị trường Mỹ, Campuchia, Myanmar, xúc tiến tiếp cận thị trường Úc và Nhật Bản.
- **Công tác bán hàng:** CADIVI thường xuyên cập nhật chính sách bán hàng theo định hướng “thỏa mãn tối đa yêu cầu khách hàng”, ưu tiên phát triển khu vực miền Trung, Bắc, vùng sâu, vùng xa đẩy mạnh lực lượng giám sát bán hàng ở những khu vực bán hàng trọng điểm.
- **Hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại:** Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ lớn trong nước như: Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong nhiều năm liền, đồng thời tích cực tham gia các triển lãm khu vực và quốc tế như: Hội chợ Hàng Việt Nam tại Myanmar, Hội chợ thương mại Việt – Lào... nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm và đưa sản phẩm tiếp cận sâu hơn với người tiêu dùng.
- **Hệ thống phân phối:** Công ty đã xây dựng được một hệ thống phân phối với gần 200 đại lý trải rộng khắp trên toàn quốc. Hệ thống phân phối này đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

**6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

- Nhãn hiệu thương mại : **CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

: **CADIVI®**

- Thời gian đăng ký : Thương hiệu CADIVI đã được đăng ký bản quyền tại Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam theo Quyết định số 84900 ngày 24/7/2007.

- Logo Công ty



- Ý nghĩa Thương hiệu : Mặt cắt phía trong thể hiện mặt cắt ba pha, ba chấm tròn thể hiện 3 ruột dẫn điện và vòng tròn ngoài thể hiện lớp vỏ bảo vệ. Tổng thể Logo của Công ty thể hiện được cuộn cáp nhô ra và chỉ rõ thương hiệu CADIVI.
- Thời gian đăng ký : Logo của Công ty đã được đăng ký bản quyền tại Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam theo Quyết định số 703 ngày 26/12/1986.
- Thời gian bảo hộ : 10 năm

6.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:**Bảng 9: Danh sách các hợp đồng dịch vụ có giá trị lớn đã ký trong năm 2013 và 2014**

TT	Tên Khách Hàng	Ngày Ký Hợp đồng	Số Hợp đồng	Tình Trạng	Sản phẩm	Giá Trị (Triệu đồng)
1	Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam	14/6/2013	05-13/TP-CDV	Hoàn thành	Cáp	208.879
		Tháng 2/2014	02-14/SPC-CADIV	Hoàn thành	Cáp	22.583
		26/5/2014	05-14/SPC-CADIVI	Đang thực hiện	Cáp	10.667
2	Ban QLDACCTĐ Miền Trung	28/1/2013	01/2013 Sơn Hà-Dốc Sỏi	Hoàn thành	Cáp	24.829
		10/3/2014	4/NPT-AMT-CAD	Hoàn thành	Cáp	20.981
		3/6/2014	26/14/PT-PML	Đang thực hiện	Cáp	95.193
3	Công ty Điện Lực	18/1/2013	640/2013	Hoàn thành	Cáp	8.080



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Tên Khách Hàng	Ngày Ký Hợp đồng	Số Hợp đồng	Tình Trạng	Sản phẩm	Giá Trị (Triệu đồng)
	Sài Gòn	10/6/2013	6251	Hoàn thành	Cáp	30.329
		19/3/2014	2521	Hoàn thành	Cáp	6.162
4	Công ty Điện Lực Bình Thuận	2/8/2013	PT1713103	Hoàn thành	Cáp	20.440
		19/2/2014	PT1613015	Hoàn thành	Cáp	6.408
5	Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc	20/2/2014	PI KFW-Nghệ An	Hoàn thành	Cáp	10.235
		21/5/2014	PC/DEP2.4-110-G	Đang thực hiện	Cáp	11.669
6	Ban QLDA Lưới Điện NPC	15/1/2013	25-Vân Đồn	Hoàn thành	Cáp	10.785
		15/1/2013	26-Cẩm Phả	Hoàn thành	Cáp	7.432
7	Công ty Truyền tải Điện 4	20/5/2014	1770/HD9TT-CADIVI	Đang thực hiện	Cáp	16.830
8	Ban Quản lý Dự án Lưới Điện - NPC	20/3/2014	90YB-TN	Hoàn thành	Cáp	16.291
9	Công ty Điện Lực Bình Phú	27/8/2013	5522/2013	Hoàn thành	Cáp	6.391
		6/11/2013	7490	Hoàn thành	Cáp	8.192
10	Công ty Điện Lực Cà Mau	25/4/2013	CM 1713031	Hoàn thành	Cáp	12.409
11	Công ty Điện lực Hải Phòng	8/5/2013	304	Hoàn thành	Cáp	9.501
12	Công ty Điện Lực Gò Vấp	4/11/2013	5660	Hoàn thành	Cáp	7.446
13	Công ty Điện Lực Đồng Nai	7/1/2014	01/PCĐN-5	Hoàn thành	Cáp	4.055
14	Công ty Điện Lực Bình Phước	9/1/2014	1/14/2002	Đang thực hiện	Cáp	3.910
15	Công ty Điện Lực Tân Phú	28/2/2014	640	Đang thực hiện	Cáp	3.145

Nguồn: CADIVI



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012	2013	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	1.569.448	1.769.487	12,75%	1.781.605
2	Vốn chủ sở hữu	398.086	531.104	33,41%	486.103
3	Doanh thu thuần	3.394.378	4.373.772	28,85%	2.200.310
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	164.775	149.036	-9,55%	65.004
5	Lợi nhuận khác	1.765	4.613	161,31%	1.520
6	Lợi nhuận trước thuế	166.541	153.649	-7,74%	66.525
7	Lợi nhuận sau thuế	124.261	114.668	-7,72%	54.586
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60,26%	75,35%	25,04%	
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	31,21%	21,59%	-30,83%	11,23%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC soát xét Quý II/2014 của Công ty mẹ

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	1.569.448	1.803.262	14,90%	1.882.916
2	Vốn chủ sở hữu	398.086	543.162	36,44%	505.603
3	Doanh thu thuần	3.394.378	4.462.426	31,47%	2.926.483
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	164.775	165.210	0,26%	79.368
5	Lợi nhuận khác	1.765	4.613	161,31%	1.525
6	Lợi nhuận trước thuế	166.541	169.823	1,97%	80.892
7	Lợi nhuận sau thuế	124.261	126.726	1,98%	63.449



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2014
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60,26%	68,18%	13,14%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	31,98%	26,93%	(15,79%)	12,55%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2014

Tổng giá trị tài sản hợp nhất của Công ty tăng dần qua các năm, cụ thể năm 2013 đạt 1.803 tỷ đồng, tăng gần 15% so với năm 2012, chủ yếu là do tăng hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng. Trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất với 74% (năm 2012), 77% (năm 2013) và 79% (6 tháng đầu năm 2014).

Mặt khác, trong năm 2013, Công ty đã huy động thành công 57 tỷ đồng thông qua việc phát hành 3.045.119 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và 794.889 cổ phiếu cho đối tác chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính của CADIVI. Đây cũng là một trong những nhân tố làm tăng vốn chủ sở hữu của Công ty lên 543 tỷ đồng, tăng 36,44% so với năm 2012.

Giai đoạn từ năm 2012 đến nay, khi các điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi như kinh tế tăng trưởng chậm, thị trường bất động sản và xây dựng rơi vào khủng hoảng đã ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ dây cáp điện, làm cho hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị tác động theo. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và phấn đấu không ngừng của đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm và tập thể người lao động trong Công ty, CADIVI đã từng bước khẳng định vị thế cũng như thị phần của mình trong ngành và mang lại kết quả kinh doanh vượt mức mong đợi so với kế hoạch ban đầu. Cụ thể, doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 4.462,43 tỷ đồng trong năm 2013, vượt 11,6% so với kế hoạch và tăng 31,5% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2013 đạt 126.726 tỷ đồng, tăng gần 2% so với năm 2012. Nguyên nhân chính là do:

- Từ ngày 01/7/2013, Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai - Công ty con do CADIVI sở hữu 100% đã đi vào hoạt động, đóng góp 88,65 tỷ đồng doanh thu (đã loại trừ doanh thu nội bộ) và 12,06 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cho CADIVI trong năm 2013.
- Cũng trong năm 2013, CADIVI đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh thương mại bằng việc mua và bán lại các sản phẩm đồng nguyên liệu Cathode, dây đồng 8mm và phụ kiện lưới điện, do đó góp phần gia tăng doanh thu của Công ty. Các hoạt động thương mại này chiếm đến 20% doanh thu của CADIVI trong năm 2013 (năm 2012: chiếm 5% doanh thu) và không làm gia tăng lợi nhuận, do đó, lợi nhuận của Công ty không gia tăng cùng tốc độ tăng trưởng của doanh thu.
- Trong năm 2013, tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành nói riêng gặp nhiều khó khăn và hạn chế, vì thế CADIVI chủ trương giảm giá bán để tiếp tục giữ vững và phát triển thị phần, tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên Công ty. Đây cũng là một trong những lý do khiến lợi nhuận tăng trưởng chậm hơn doanh thu.



- Ngoài ra, dự án xưởng sản xuất cáp ngầm trung thế và hạ thế tại KCN Tân Phú Trung với trị giá gần 213 tỷ đồng được hoàn thành và đưa vào sản xuất từ cuối năm 2012 nên hiệu quả kinh doanh chưa cao.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Thuận lợi

Qua hơn 39 năm hình thành và phát triển, thương hiệu CADIVI đã, đang khẳng định và củng cố vững chắc vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhận được nhiều sự tin tưởng, ủng hộ của người tiêu dùng, đối tác cũng như các nhà đầu tư.

- Qua những dự báo, nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và những nghiên cứu thực tế về thị trường, Công ty luôn xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, hợp lý cho từng giai đoạn như chiến lược “Thị trường nền” hay “giữ vững sân nhà để vươn ra sân người”, đồng thời chủ động linh hoạt để điều chỉnh cơ cấu thị trường.
- Công ty có mạng lưới đại lý rộng khắp cả nước, luôn duy trì mối quan hệ tốt với các Nhà cung cấp nguyên vật liệu.
- Năng lực sản xuất của Công ty ngày càng tăng; đặc biệt thương vụ mua lại thành công Công ty Cổ phần Cáp Sài Gòn giúp CADIVI tăng khả năng đáp ứng thị trường nội địa cũng như xuất khẩu.
- Ban lãnh đạo Công ty là những người giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn vững chắc, cũng như tinh thần trách nhiệm cao, cùng với các Cán bộ công nhân viên lành nghề, có phẩm chất tốt là một điểm mạnh giúp CADIVI gạt hái được nhiều thành công trong thời gian qua.

b. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không thể tránh khỏi những khó khăn của nền kinh tế nói chung và các thách thức đặc thù của ngành nói riêng.

- Giá cả vật tư chủ yếu cho sản xuất dây và cáp điện diễn biến phức tạp; giá kim loại màu biến động rất khó lường.
- Thị trường bất động sản vẫn ở trong tình trạng đóng băng, dẫn đến nhu cầu dây cáp điện giảm, ảnh hưởng đến doanh số bán hàng của Công ty thì sự gia tăng số lượng doanh nghiệp mới càng làm tăng thêm tính cạnh tranh trong ngành dây và cáp điện.
- Hiện nay, bên cạnh việc tiếp tục triển khai các dự án đầu tư lớn, Công ty còn tổ chức và kinh doanh đồng Ø8, theo đó, nhu cầu vốn của Công ty sẽ rất cao, tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn là trở ngại lớn đối với CADIVI.
- Từng bước nâng cao chất lượng quản trị để phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.



8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Được thành lập từ những ngày đầu của năm 1975, trải qua nhiều giai đoạn phát triển với rất nhiều thách thức và nỗ lực, CADIVI đã vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các loại dây và cáp điện cũng như liên tục mở rộng sự phát triển của thương hiệu đến các thị trường mới trên thế giới.

Công ty sở hữu thế mạnh vượt trội với hơn 39 năm kinh nghiệm từ đội ngũ quản lý và đội ngũ công nhân viên lành nghề với dây chuyền sản xuất hiện đại nhập từ Châu Âu, Mỹ đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Sản phẩm CADIVI đã trở thành sản phẩm chủ lực trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và ngày càng nhận được sự tin tưởng và tình cảm người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Định hướng phát triển thương hiệu cũng đã được CADIVI xác định và phát triển một cách rõ ràng ngay từ giai đoạn đầu thành lập. Đó là "*Giữ vững sân nhà để vươn ra sân người*", chiếm lĩnh trở thành doanh nghiệp hàng đầu ở thị trường trong nước để tạo đà vươn ra thị trường quốc tế. Nhằm cụ thể hóa mục tiêu đó, CADIVI đã tích cực đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh trên khắp mọi miền đất nước. Đến nay, năng lực sản xuất hàng năm của Công ty lên đến 14.000 tấn đồng, 6.000 tấn nhôm, 8.000 tấn nhựa các loại.

Sản phẩm của CADIVI đa dạng từ sản phẩm dân dụng truyền tải điện cũng như các sản phẩm dùng trong công nghiệp, quốc phòng, sản phẩm để xuất khẩu hay các loại dây điện từ, khí cụ điện. Ngoài ra, CADIVI còn phát triển các sản phẩm đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng phục vụ cho các công trình khai thác dầu khí, thủy điện, ngầm hóa mạng điện đô thị, mạng điện trên không. Trong đó, nổi bật nhất có thể kể đến đó là công trình Đường dây 500kV. CADIVI thật sự tự hào khi là nhà cung cấp chính cho công trình hiện đại hóa đất nước mang tính lịch sử này.

Các sản phẩm của CADIVI luôn đi kèm với chất lượng toàn diện với cam kết "Chất lượng luôn trung thực tuyệt đối với người tiêu dùng đi đôi với giá cả hợp lý". Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cũng như các tiêu chuẩn quốc tế như IEC, ASTM, UL, JIS, AS, BS, DIN... Đó là sự hội tụ của ba yếu tố cơ bản:

- Dẫn điện tốt;
- Cách điện an toàn;
- Tiết kiệm điện.

Nhờ vào chất lượng tốt kết hợp quy mô sản xuất lớn cộng với giá bán hợp lý, các sản phẩm của CADIVI ngày càng được thị trường cả trong và ngoài nước ưa chuộng, được khách hàng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao trong 18 năm liên tục từ 1997 đến nay; đoạt Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia và hàng loạt giải thưởng khác. Đặc biệt, tháng 7 năm 2009, CADIVI đã vinh dự được nhận Giải nhất Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (IAPQA) ở cấp độ World Class dành cho doanh nghiệp sản xuất lớn. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có một doanh nghiệp đạt giải nhất tại giải thưởng này. Điều đó cho thấy CADIVI đã nâng lên một tầm cao mới khẳng định thương hiệu Việt không chỉ tại thị trường nội địa mà còn vươn xa hơn,



ạnh tranh được với thị trường thế giới. CADIVI không chỉ được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thay cho các sản phẩm ngoại nhập mà còn xuất khẩu vào các thị trường Mỹ, Campuchia, Lào, Myanmar, Indonesia và Brunei. Mục tiêu đến năm 2020, CADIVI sẽ từng bước trở thành một trong các nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu Đông Nam Á.

So sánh năng lực sản xuất và thị phần của CADIVI với các Doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện khác đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam:

Chỉ Tiêu	CADIVI	NHW	VKC	TYA
Sản phẩm chính	Dây và Cáp điện. Khí cụ điện	Dây điện tử	Cáp điện, ống nhựa Cáp viễn thông Dây đồng, vỏ xe	Dây và Cáp điện Động cơ điện
Thị phần	Dân dụng: 90% miền Nam, 30% miền Trung; 20% miền Bắc	40% thị phần dây điện tử	N/A	15% thị phần trong nước
Thị trường tiêu thụ	Thị trường nội địa. XK: Myanmar, Campuchia, Mỹ, Indonesia, Brunei.	Chủ yếu là thị trường nội địa	Thị trường nội địa. XK: Nhật Bản, Đông Nam Á.	Miền Nam và Bắc. XK: Trung Quốc, Campuchia, Đài Loan
Nhà máy sở hữu	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai XN Thành Mỹ XN Long Biên XN Tân Á - 3 cơ sở Chi nhánh Miền Bắc Chi nhánh Miền Trung Nhà Máy Dây Cáp Điện Miền Trung	Nhà máy Long Thành, Đồng Nai	Nhà máy tại Dĩ An, Bình Dương Nhà máy tại KCN Hòa Khánh, Đà Nẵng	Nhà máy KCN Biên Hòa, Đồng Nai Nhà máy SX tại Cẩm điền, Hải Dương
Công suất hoạt động (tấn/năm)	14.000 tấn Đồng 6.000 tấn Nhôm 8.000 tấn Nhựa các loại	11.000 tấn Đồng 6000 tấn Dây đồng 5000 tấn Dây điện tử 3100 tấn Dây dẹp bọc giấy	100 tấn Đồng 4.000 tấn Nhựa 36.000 km Cáp quang 3.000 Thùng cáp mạng LAN 80.000 km dropwire	5.000 tấn Đồng

Nguồn: SSI

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

❖ Tổng quan ngành dây cáp điện

Với xu hướng phát triển chung của thế giới, Việt Nam hiện đang từng bước hiện đại hóa tất cả các ngành từ sản xuất đến kinh doanh và không nằm ngoài tiến trình này, ngành dây và cáp điện cũng đang trong giai đoạn phát triển. Ngoài nhu cầu chính là phục vụ cho ngành điện như hỗ trợ hoàn thiện hệ thống lưới điện quốc gia, các tỉnh và thành phố, thì ngành còn được sử dụng vào các lĩnh

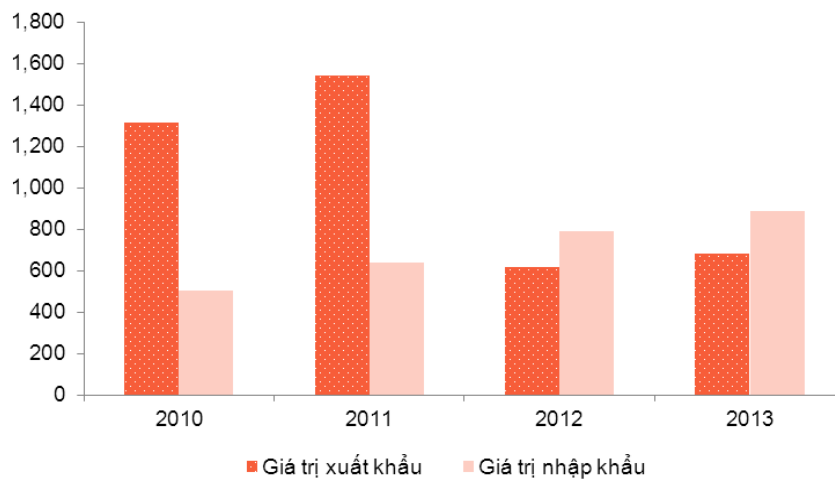


vực khác như: xây dựng công nghiệp và dân dụng, phục vụ cho quốc phòng, dầu khí và trong sản xuất ô tô, động cơ máy biến áp, liên lạc viễn thông và truyền dữ liệu, ...

Hiện tại, Việt Nam có hơn 200 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất dây cáp điện, trong đó có khoảng 10 doanh nghiệp được xếp hạng trong 500 doanh nghiệp lớn của Việt Nam. Có thể nêu tên một số Công ty điển hình trong ngành như: Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam, Công ty Cơ điện Trần Phú, Công ty liên doanh LG Vina Cable, Công ty Taya Việt Nam v.v.

Sơ đồ 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu ngành dây điện từ 2010 - 2013

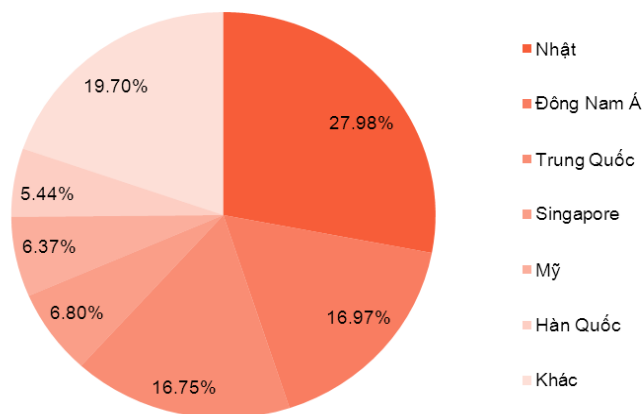
Đvt: Triệu USD



Nguồn: GSO

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu dây và cáp điện của Việt Nam trong năm 2013 đạt 681 triệu USD, tăng 9,64% so với cùng kỳ năm trước.

Sơ đồ 5: Thị trường xuất khẩu năm 2013



Nguồn: GSO



Nhật Bản luôn là thị trường truyền thống và chủ lực của ngành dây cáp điện Việt Nam, nơi có công nghệ và dây chuyền sản xuất ô tô hàng đầu thế giới. Kim ngạch xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam sang Nhật Bản trong năm 2013 đạt 190 triệu USD, tăng 4,36% so với năm 2012, chiếm 27,98% tổng trị giá xuất khẩu.

Thị trường Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á có mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu khá cao so với cùng kỳ năm trước, với mức tăng lần lượt là 56,80% và 58,72%. Đây cũng là hai thị trường xuất khẩu lớn thứ hai và thứ ba của Việt Nam. Với sự tăng trưởng mạnh của hai thị trường này góp phần thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu chung của mặt hàng này của cả năm 2013.

❖ **Triển vọng ngành dây cáp điện:**

Trong những năm gần đây, ngành điện Việt Nam phát triển với tốc độ khá nhanh. Các doanh nghiệp sản xuất thiết bị kỹ thuật điện có những điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, cung cấp thiết bị kỹ thuật điện cho các ngành sử dụng điện trong cả nước. Ngành dây cáp điện cung cấp nguyên vật liệu cho sự phát triển hạ tầng cơ sở các ngành như Viễn thông, Điện lực, Xây dựng dân dụng và Xây dựng công nghiệp. Vì vậy, sự phát triển các ngành, nghề trên sẽ kéo theo sự phát triển của ngành sản xuất thiết bị và dây cáp điện.

Cùng với nhu cầu tiêu thụ sản phẩm dây cáp điện trong nước còn rất lớn và có tiềm năng phát triển cao, nhu cầu sử dụng sản phẩm này để hiện đại hóa cơ sở hạ tầng trên thế giới cũng rất lớn, đặc biệt là thị trường Mỹ và Nhật. Do đó, đây là cơ hội tốt cho các công ty trong ngành gia tăng doanh thu xuất khẩu vào các thị trường quốc tế.

Theo các chuyên gia đánh giá thì ngành dây và cáp điện năm 2014 và những năm tới sẽ tiếp tục có triển vọng phát triển mạnh với một số thông tin hỗ trợ ngành sau:

- **Lộ trình phát triển hệ thống mạng lưới truyền tải điện 500kW của Chính Phủ giai đoạn 2015 - 2030.** Trong giai đoạn 2015 - 2030, theo chỉ đạo của Thủ Tướng Chính Phủ và Bộ Công Thương về việc chú trọng phát triển nhu cầu về dây và cáp điện phục vụ cho việc phát triển công nghiệp vùng Đông Nam Bộ, trong đó nâng cấp và mở rộng hệ thống truyền tải điện năng, đồng thời nâng cấp các mạng lưới dây điện đã quá cũ, không đủ mức an toàn cho phép, ngành thiết bị điện sẽ phải phát triển để đáp ứng 70% nhu cầu trong nước về thiết bị điện, trạm biến áp; 55% động cơ về điện, một số chủng loại máy phát điện thông dụng, 50 - 60% nhu cầu máy biến thế 110 – 220kV và năm 2015 xuất khẩu đạt 30 - 35% giá trị sản xuất, đáp ứng 60 - 70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện.

Bảng 12: Quy hoạch phát triển sản phẩm một số nhóm ngành thiết bị điện giai đoạn 2015 - 2025

Nhóm sản phẩm	Mục tiêu
Máy điện tĩnh	Đến năm 2015, cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước về máy biến thế phân phối với tiêu chuẩn chất lượng thống nhất trên cả nước, phần đầu đáp ứng 50 - 60% nhu cầu đối với máy biến thế 110 - 220 kV; giá trị xuất khẩu đạt khoảng 30 - 35% giá trị sản xuất của nhóm ngành.

Nhóm sản phẩm	Mục tiêu
Máy điện quay	Đến 2015, đảm bảo 55 - 65% nhu cầu trong nước về các loại động cơ và khoảng 50% nhu cầu trong nước về một số chủng loại máy phát điện công suất 1 kW - 10 kW; giá trị xuất khẩu đạt 35 - 40% giá trị sản xuất của nhóm ngành.
Khí cụ điện	Đến năm 2015, đáp ứng 60 - 70% nhu cầu trong nước về các loại khí cụ điện, giá trị xuất khẩu đạt 19 - 20% giá trị sản xuất của nhóm ngành.
Dây và cáp điện	Ưu tiên phát triển các sản phẩm có độ bền cao phù hợp cho môi trường nhiệt đới phục vụ hạ tầng lưới điện đô thị, nhà cao tầng. Đầu tư sản xuất quy mô lớn các loại dây và cáp điện thông dụng, phục vụ dân dụng, công nghiệp.

Nguồn: Quy hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện 2015-2025

Bảng 13: Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho ngành điện và thiết bị điện theo quy hoạch của Thủ Tướng Chính Phủ giai đoạn 2011 - 2030

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Giai Đoạn	Tổng Vốn	Nguồn Điện		Lưới Điện	
		Giá Trị	Tỷ lệ	Giá Trị	Tỷ lệ
2011 – 2020	929.7	619.3	66,6%	210.4	33,4%
2021 – 2030	1.429.3	935.3	65,5%	494	34,5%

Nguồn: Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia 2011 - 2030

- **Tiềm năng xuất khẩu vào các thị trường chủ lực:** Theo số liệu của Tổng Cục Thống Kê, Nhật Bản, Trung Quốc và Mỹ là những thị trường xuất khẩu dây và cáp điện lớn nhất của Việt Nam với giá trị xuất khẩu tăng trưởng đều đặn qua các năm. Trong đó, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là dây và cáp điện dành cho ngành sản xuất xe hơi, chiếm 75% tỷ trọng xuất khẩu dây và cáp điện. Nền kinh tế các quốc gia này đang trên đà hồi phục, chi tiêu người dân cải thiện, chỉ số sản xuất ở mức cao, nhu cầu sử dụng xe hơi tăng trên toàn cầu sẽ là cơ hội tốt đẩy mạnh giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện Việt Nam.
- **Lãi suất huy động và cho vay giảm:** với mức trần lãi suất huy động giảm xuống còn 6%/năm đã tạo điều kiện để kéo mức lãi suất cho vay giảm về mức 11 - 13%, làm cho việc tiếp cận vốn vay đối với các doanh nghiệp dễ dàng hơn. Đây là tín khả quan đối với những doanh nghiệp dây và cáp điện trong việc mở rộng sản xuất và nâng cấp dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại, nhằm đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn về chất lượng và an toàn của sản phẩm.

Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội lớn mà ngành điện Việt Nam đang đối diện, còn có những thách thức mà các doanh nghiệp ngành dây cáp điện phải vượt qua như: biến động trong giá đầu vào, sức cầu của thị trường chưa được cải thiện, tính cạnh tranh tăng hay sự gia tăng việc sản xuất hàng giả, hàng nhái kém chất lượng. Chính vì lẽ đó, ngoài các hỗ trợ, ưu đãi của Chính phủ như vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng hay các Quỹ hỗ trợ, các chính sách thuế, doanh nghiệp ngành điện cần phải nỗ



lực hơn nữa trong công tác quản lý, vận hành sản xuất nhằm cho ra đời sản phẩm có chất lượng tốt với giá thành hợp lý.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cùng ngành

❖ So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh:

Hiện tại, trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), có 3 Doanh nghiệp có ngành nghề hoạt động tương tự như CADIVI là: Công ty Cổ phần Ngô Han (NHW); Công ty CP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (TYA) và Công ty Cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKC). Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp được so sánh với CADIVI theo các bảng dưới đây:

Bảng 14: So sánh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	CADIVI	NHW	VKC	TYA
1	Tổng giá trị tài sản	1.803	759	492	637
2	Vốn chủ sở hữu	543	320	160	308
3	Doanh thu thuần	4.462	1.731	821	1.067
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	165	61	7	33
5	Lợi nhuận khác	5	0	(2)	5
6	Lợi nhuận trước thuế	170	62	5	37
7	Lợi nhuận sau thuế	127	46	3	30
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	26,93%	15,54%	1,90%	10,37%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của CADIVI, NHW, VKC và TYA

Đối với các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh, CADIVI vượt trội hơn hẳn so với các Công ty cùng ngành đã niêm yết trên sàn về cả quy mô tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh. Cụ thể, doanh thu thuần của cả 3 Công ty NHW, VKC và TYA cộng lại vẫn chưa bằng doanh thu thuần của CADIVI, tương tự như vậy đối với lợi nhuận sau thuế.

❖ **So sánh về tình hình tài chính:****Bảng 15: So sánh các chỉ tiêu về tài chính**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	CADIVI	NHW	VKC	TYA
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,15	1,50	1,13	1,55
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,59	0,90	0,61	1,11
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,70	0,58	0,67	0,52
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,32	1,37	2,07	1,07
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,51	5,56	4,55	5,58
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	2,65	2,24	1,74	1,68
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,84%	2,67%	0,38%	2,85%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,93%	15,54%	1,90%	10,37%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	7,51%	5,98%	0,65%	4,78%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,70%	3,55%	0,80%	3,07%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của CADIVI, NHW, VKC và TYA

Không chỉ vượt trội về tình hình hoạt động kinh doanh mà các chỉ tiêu tài chính của CADIVI cũng nổi bật hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết như NHW, VKC và TYA. Điều này được cụ thể hóa qua chỉ tiêu về khả năng sinh lời như ROE đạt 26,93% và ROA đạt 7,51% trong khi bình quân của 3 công ty kia đạt lần lượt là 9,37% và 3,81%.

Ở nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản của CADIVI nhanh hơn, cho thấy khả năng quản trị tài sản ngắn hạn của Công ty khá tốt. Tương tự như vậy đối với chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn.

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

❖ Định hướng phát triển của Công ty

Chiến lược phát triển giai đoạn 2012 – 2017, tầm nhìn đến năm 2020 của CADIVI là trở thành nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Để đạt được mục tiêu trên, Công ty cần phải hoạch định chiến lược cụ thể rõ ràng, điển hình như:

- *Đối với công tác thị trường, xây dựng thương hiệu và bán hàng*
 - ✓ Quán triệt mục tiêu "Giữ vững, xâm lấn, mở rộng thị trường" trên cơ sở "Giữ vững thị trường nền". Đẩy mạnh vào các dự án ngành điện, xây dựng, xây lắp công nghiệp, quốc phòng, dầu khí, có chính sách mở rộng ra thị trường miền Trung, miền Bắc và Tây Nguyên.
 - ✓ Tăng cường xuất khẩu qua Myanmar, Campuchia, xuất khẩu tại chỗ duy trì xuất khẩu qua Mỹ có chọn lọc theo nhóm sản phẩm.
 - ✓ Cân đối hài hòa giữa lợi nhuận và thị phần, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần.
- *Đối với công tác tổ chức quản lý sản xuất*
 - ✓ Kế hoạch triển khai đồng bộ giữa nhu cầu khách hàng - nguồn cung ứng vật tư điều độ sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ giao hàng.
 - ✓ Giảm thiểu chi phí sản xuất bằng cách:
 - Chuyên môn hóa sản xuất theo chủng loại sản phẩm một cách khoa học.
 - Tìm kiếm lựa chọn các nhà cung cấp vật tư có chất lượng ổn định, giá cả hợp lý.
- *Đối với công tác Kỹ thuật, Công nghệ, chất lượng sản phẩm*
 - ✓ Từng bước đầu tư, bổ sung máy móc thiết bị cũng như đầu tư các dự án khác nhằm tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật sản xuất, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm...để tăng năng lực công ty.
 - ✓ Giảm tiêu hao vật tư bằng cách ban hành định mức công nghệ mới phù hợp với trình độ kỹ thuật của thiết bị hiện có cũng như áp dụng quy chế thưởng phạt tiết kiệm vật tư, năng lượng.
 - ✓ Cải tiến các sản phẩm hiện hữu và nghiên cứu, triển khai các sản phẩm mới có chất lượng tốt hơn với giá thành hợp lý hơn.
 - ✓ Hệ thống quản lý chất lượng được duy trì và thường xuyên cải tiến, kiểm soát chặt chẽ các quy trình sản xuất, đảm bảo hàng xuất xưởng thỏa mãn các yêu cầu của tiêu chuẩn.
- *Đối với công tác nhân sự hành chính, xây dựng đội ngũ, chăm lo đời sống CBCNV*
 - ✓ Thực hiện công tác đào tạo nhân viên nghiệp vụ, đào tạo và tổ chức thi tay nghề cho công nhân kỹ thuật;



- ✓ Xây dựng văn hoá doanh nghiệp tạo bản sắc riêng của công ty CADIVI trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Thông suốt mục tiêu của công ty từ cấp quản lý cao nhất đến từng CBCNV.
- ✓ Chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tham gia thực hiện công tác xã hội cộng đồng.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Có thể nói chiến lược và định hướng phát triển của CADIVI là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành và chính sách của Nhà nước. Đối với công tác thị trường, nhằm phục vụ cho mục tiêu đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Công ty đã ra sức xây dựng và phát triển, hỗ trợ cho các dự án ngành điện, xây dựng, xây lắp công nghiệp, quốc phòng, dầu khí trên khắp mọi miền đất nước. Công ty cũng tăng tính cạnh tranh bằng việc cải thiện cách thức quản lý và vận hành hiệu quả, linh hoạt hơn, tiết kiệm hơn. Không những thế, nhằm đón đầu nhu cầu lớn về làn sóng phát triển các nguồn điện và lưới điện ở các nước đang phát triển như Lào, Campuchia hay Myanmar, Công ty đã tăng cường xuất khẩu qua các nước này bằng việc mở rộng năng lực sản xuất, tăng quy mô sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế, từng bước khẳng định vị thế và tên tuổi của mình để trở thành một trong những nhà sản xuất dây cáp điện lớn nhất khu vực.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

- Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2013 là 1.085 người.
- Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty:

TT	Trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	191	17,60%
2	Cao đẳng	34	3,14%
3	Trung cấp và sơ cấp	860	79,26%
Tổng cộng		1.085	100%

Nguồn: CADIVI



9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách đào tạo

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho cán bộ công nhân viên và triển khai thực hiện một cách nghiêm túc. Hoạt động đào tạo của Công ty gồm có:

- Đào tạo, huấn luyện cán bộ quản lý: Giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc nhân sự, các bậc quản lý cấp trung, quản đốc, tổ trưởng sản xuất...
- Đào tạo, huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ giao tiếp khách hàng, bán hàng, quản lý kho, kiểm tra chất lượng...
- Đào tạo nghề cho công nhân mới, đào tạo nhắc lại và đào tạo về công nghệ mới cho công nhân cũ...
- Huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu

❖ Chính sách tiền lương, thưởng:

- Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với đặc thù của ngành nghề hoạt động, đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước, tương xứng với trình độ, năng lực, công việc và mức độ đóng góp của từng người. Qua đó, tạo được sự động viên, khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc hăng say, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên theo đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm sản xuất ra và tiêu thụ trong tháng, quý, năm, trên cơ sở đánh giá, giá trị công việc của từng vị trí và đánh giá kết quả công việc của từng ngành trong tháng.

❖ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, nội quy lao động. Hằng năm tổ chức, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên và gia đình đi nghỉ mát, tổ chức tập luyện, thi đấu thể thao nhằm rèn luyện sức khỏe và nâng cao tinh thần đoàn kết tập thể.
- Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn con người cho 100% cán bộ công nhân viên nhằm hỗ trợ phần nào chi phí điều trị cũng như suy giảm khả năng lao động của cán bộ công nhân viên khi có rủi ro xảy ra.
- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho cán bộ công nhân viên để phát hiện sớm bệnh lý từ đó kịp thời chăm sóc và điều trị. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng chế độ hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên bị bệnh phải điều trị dài hạn, hỗ trợ tiểu tuất cho CBCNV bị chết, hỗ trợ cho hưu trí công ty (trích từ quỹ phúc lợi)
- Công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy luôn được Ban Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm, chú trọng thông qua việc thành lập riêng Hội đồng Bảo hộ lao động.



- Công ty rất quan tâm đến việc cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động: trang thiết bị đầy đủ phương tiện làm việc, đồng phục, trang thiết bị phòng hộ lao động, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm bụi, giảm tiếng ồn, tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng bằng hiện vật cho CBCNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, ...
- Công ty tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của CBCNV để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng qua đó hoàn thiện các chính sách đãi ngộ đối với người lao động.

10. Chính sách cổ tức**10.1 Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty.
- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào khoảng Quý IV hàng năm nếu Hội đồng Quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.

Bảng 16: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm

Năm	2011	2012	2013	2014E ⁽¹⁾
Tỷ lệ chi trả cổ tức	70%	30%	30%	30%
Hình thức chi trả	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tiền mặt: 40% ▪ Cổ phiếu: 30% 	Tiền mặt	Tiền mặt	-

Nguồn: CADIVI

(1) Tỷ lệ này đã được ĐHCĐ thường niên năm 2014 thông qua ngày 17/04/2014

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng

**11.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua****a. Trích khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 06 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị : 08 năm
- Thiết bị văn phòng : 05 năm
- Phương tiện vận tải : 06 năm
- Quyền sử dụng đất : 50 năm

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- **Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

c. Thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2013 là 9.595.000 đồng/người/tháng và dự kiến trong năm 2014 là 9.660.000 đồng/người/tháng.

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

f. Trích lập các quỹ theo luật định



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Bảng 17: Số dư các quỹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Quỹ đầu tư và phát triển	16.404	22.617	28.350
2	Quỹ dự phòng tài chính	32.317	38.530	44.263
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.352	7.637	12.864

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2014

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

Bảng 18: Bảng phân phối lợi nhuận năm 2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty	126.726
2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	114.668
3	Phương án phân phối	
	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	5.733
	Quỹ dự phòng tài chính (5%)	5.733
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	11.467

Nguồn: Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của CADIVI ngày 17/04/2014

g. Tổng dư nợ vay

Bảng 19: Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên Ngân hàng	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I	VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	450.863	448.355	537.128
1	Vay ngắn hạn ⁽²⁾	433.255	433.142	529.516
-	Ngân hàng Eximbank - SGD 1	88.436	75.830	129.212



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Tên Ngân hàng	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
-	Ngân hàng Vietcombank - Tp.HCM	33.130	73.897	148.967
-	Ngân hàng HSBC	129.280	73.173	-
-	TCT CP Thiết bị Điện Việt Nam	95.000	95.000	95.000
-	Ngân hàng Vietinbank	25.000	107.241	64.134
-	Ngân hàng MB	-	8.000	30.000
-	Ngân hàng Chinatrust / CTBC Bank	62.409	-	62.203
2	Vay dài hạn đến hạn trả	17.608	15.213	7.612
-	Ngân hàng Eximbank - SGD 1	3.420	1.025	518
	VND	2.407	-	-
	USD	1.013	1.025	518
-	Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.188	14.188	7.094
II	VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	58.022	42.825	52.425
-	Ngân hàng Eximbank ⁽³⁾	1.265	257	259
-	Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước ⁽⁴⁾	56.757	42.569	42.569
-	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương ⁽⁵⁾	-	-	9.597

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2014

Ghi chú ⁽²⁾

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Số tiền	Dư nợ vay thời điểm 31/06/2014	Hợp đồng vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay
	Vay ngắn hạn	529.516				
-	Ngân hàng Eximbank - SGD 1	129.212	2000LDS201408 638-2014-06391	3 - 6	4,8%	Bổ sung vốn lưu động
-	Ngân hàng Vietcombank - Tp.HCM	148.967	007.7.00.125002 8-1273460	6	5,0%	Bổ sung vốn lưu động
-	TCT CP Thiết bị Điện Việt Nam	95.000	542/2008/HĐVV/ TBĐVN-CADIVI và 01/2012/HĐVV/T BĐVN-CADIVI	6	7,0%	- Trả tiền mua quyền sử dụng 646,4m2 đất và quyền sở hữu nhà tại 70-72 Nam kỳ



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Số tiền	Dư nợ vay thời điểm 31/06/2014	Hợp đồng vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay
						khởi nghĩa, Q1, HCM - Bổ sung vốn lưu động
-	Ngân hàng Vietinbank	64.134	21711- 0005008124- 0005023123	2	5,0%	Bổ sung vốn lưu động
-	Ngân hàng MB	30.000	LD1410900341	1	5,0%	Bổ sung vốn lưu động
-	Ngân hàng China Trust / CTBC Bank	62.203	907CLSU14002 23-1400441	3 - 6	4,9 – 5,8%	Bổ sung vốn lưu động

Nguồn: CADIVI

Ghi chú ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾⁺⁽⁵⁾

⁽³⁾ Vay theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201000139 ngày 12/01/2010:

- Hạn mức vay: 4.3000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất: theo từng lần giải ngân
- Mục đích vay: đầu tư mua máy tạo hạt PVC
- Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay là máy tạo hạt PVC có nguyên giá là 6.285.035.393 đồng

⁽⁴⁾ Vay theo hợp đồng tín dụng số 08/2010/HĐTD-DTTC-TD ngày 20/05/2010:

- Hạn mức vay: 85.132.689.000 đồng
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất: theo từng lần giải ngân
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế và hạ thế
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất tại 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa và một phần tài sản hình thành từ vốn vay (gồm hệ thống thiết bị chính và thiết bị phụ trợ)

⁽⁵⁾ Vay theo hợp đồng tín dụng số 0294/KH/13NH:

- Hạn mức vay: 10.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất: theo từng lần giải ngân
- Mục đích vay: Đầu tư mua máy kéo 8 đường



- Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay là máy kéo 8 đường có nguyên giá theo dự toán là 18.342.500.000 đồng

h. Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu**

Bảng 20: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Phải thu khách hàng	540.754	612.344	653.803
2	Trả trước cho người bán	10.473	17.414	21.035
3	Các khoản phải thu khác	505	265	1.600
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ⁽⁶⁾	(4.837)	(13.979)	(15.814)
	Tổng cộng	546.895	616.044	660.624

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2014

⁽⁶⁾ Nguyên nhân khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng mạnh từ năm 2013 đến 6 tháng năm 2014 như sau:

- Tại thời điểm 31/12/2013, số dư khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 13,98 tỷ đồng, tăng 189% so với thời điểm 31/12/2012. Phần chi phí dự phòng phát sinh thêm trong năm 2013 chủ yếu là phần trích lập mới cho khoản nợ phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Sản Xuất Thanh Vân – một trong những nhà cung cấp đồng cho CADIVI nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng và đã đủ tiêu chuẩn trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.
- Tại thời điểm 30/06/2014, khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 15,81 tỷ đồng, tăng 1,84 tỷ đồng hay 13,13% so với thời điểm 31/12/2013. Phần chi phí dự phòng phát sinh thêm trong 6 tháng đầu năm 2014 chủ yếu là phần trích lập cho khoản nợ phải thu khó đòi từ một nhà cung cấp nguyên liệu có trụ sở tại Cộng hòa Liên bang Đức. Trong năm 2013, Công ty đã trả trước tiền hàng cho nhà cung cấp này với số tiền là 328.194,48 USD, tương ứng 6,87 tỷ đồng và đến cuối năm 2013, nhà cung cấp này thông báo đang làm thủ tục phá sản. Do sự kiện mới phát sinh vào cuối năm 2013 và liên quan đến luật pháp nước ngoài nên Công ty chưa thể đánh giá kịp thời vấn đề này và chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này tại 31/12/2013. Đến thời điểm 30/06/2014, Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản nợ phải thu khó đòi này với số tiền là 2,06 tỷ đồng, tương đương với 30% số dư nợ phải thu theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Đồng thời trong kỳ, Công ty cũng hoàn nhập 1 số khoản dự phòng do đã thu hồi được tiền từ khách hàng.

**Bảng 21: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2013**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên khách hàng	Số tiền	Nội dung
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	85.655	Mua dây cáp điện
2	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lan Hùng 67	71.033	Mua dây cáp điện
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị điện Quý Dàn	60.306	Mua dây cáp điện
4	Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	58.510	Mua dây cáp điện
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Tường PQ	38.350	Mua dây cáp điện
6	Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	34.388	Mua dây cáp điện
7	Công ty Cổ phần Điện máy TP.HCM	27.761	Mua dây cáp điện
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	17.246	Mua dây cáp điện
9	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lắp đặt Thiết bị điện Thuận Phát	11.580	Mua dây cáp điện
9	Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	11.335	Mua dây cáp điện
10	Khách hàng khác	196.180	Chủ yếu là mua dây cáp điện
Tổng cộng		612.344	

Nguồn: CADIVI

- **Các khoản phải trả**

Bảng 22: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I	Nợ ngắn hạn	1.113.340	1.217.275	1.324.858
1	Vay và nợ ngắn hạn	450.863	448.355	537.128
2	Phải trả cho người bán	260.891	328.040	423.169
3	Người mua trả tiền trước	2.775	9.654	5.747
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.989	14.601	10.124



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



5	Phải trả công nhân viên	26.027	30.012	19.874
6	Chi phí phải trả	55.258	63.849	66.643
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	297.703	312.423	246.605
8	Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	1.482	2.704	2.704
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.352	7.637	12.864
II	Nợ dài hạn	58.022	42.825	52.455
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
2	Vay dài hạn	58.022	42.825	52.425
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	30
4	Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-
Tổng cộng		1.171.362	1.260.100	1.377.313

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2014

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,04	1,13
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,54	0,58
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,75	0,70
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,94	2,33
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5,17	6,54
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	2,39	2,62
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,66%	2,62%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,98%	24,68%



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	8,75%	6,87%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,85%	3,41%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và 2013 của Công ty mẹ

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (hợp nhất)

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,04	1,15
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,54	0,59
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,75	0,70
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,94	2,32
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5,17	6,51
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	2,39	2,65
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,66%	2,84%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,98%	26,93%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	8,75%	7,51%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,85%	3,70%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012 và 2013

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh thể hiện khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty khi đến hạn trả nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty được cải thiện dần kể từ năm 2012 đến nay và luôn giữ ở mức an toàn (lớn hơn 1), cụ thể: năm 2012 đạt 1,04 lần, năm 2013 đạt 1,15 lần. Nguyên nhân là do tốc độ tăng trưởng tài



sản ngắn hạn cao hơn tốc độ tăng trưởng của nợ ngắn hạn, điển hình năm 2013 tài sản ngắn hạn tăng 20,05% trong khi đó nợ ngắn hạn chỉ tăng 9,34%. Mặt khác, do đặc thù của ngành dây cáp điện là hàng tồn kho chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản ngắn hạn, bình quân 3 năm (từ năm 2011 – năm 2013) chiếm hơn 50% nên đã tác động làm giảm hệ số thanh toán nhanh chỉ còn 0,54 lần năm 2012 và 0,59 lần năm 2013.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Chỉ tiêu về cơ cấu vốn thể hiện tỷ trọng nợ của Công ty trên tổng tài sản hoặc vốn chủ sở hữu. Trong năm 2013, các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty giảm nhẹ so với năm 2012. Hệ số Nợ/ Tổng tài sản giảm từ 0,75 lần về 0,70 lần trong khi hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm từ 2,94 lần về 2,32 lần. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của các khoản nợ thấp hơn tốc độ tăng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Ngoài ra, nợ vay của Công ty chỉ chiếm 39% trên tổng nợ nên Công ty không chịu nhiều áp lực về chi trả lãi vay, rủi ro lãi suất cũng ít hơn các công ty khác.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của CADIVI tăng dần qua các năm, cho thấy rằng tuy hàng tồn kho chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản ngắn hạn nhưng Công ty đã có chính sách quản lý tốt, luân chuyển luân phiên nên hạn chế được tình trạng tồn đọng hàng.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Trong năm 2013, hầu hết các hệ số về khả năng sinh lời của CADIVI đều giảm nhẹ so với năm 2012. Các hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần năm 2013 giảm lần lượt 22,4% và 23,7% so với năm 2012 là do tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận không tăng cùng tỷ lệ với tốc độ tăng trưởng doanh thu như đã phân tích ở phần 7.1 Các hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân và Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân năm 2013 giảm lần lượt là 15,79% và 14,15% so với năm 2012 là do trong năm 2013, Công ty tăng vốn điều lệ từ 249,6 tỷ đồng lên 288 tỷ đồng, do đó, vốn chủ sở hữu và tài sản của Công ty tăng lên một khoản tương ứng với số vốn huy động được.

12. Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát; Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng

Bảng 25: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát:

Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu
1	Hội đồng Quản trị (HĐQT)			
1	Ông Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch HĐQT	1961	011796281
2	Ông Hoàng Nghĩa Đàn	Phó Chủ tịch HĐQT	1952	020263400
3	Ông Nguyễn Lộc	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1960	023000733



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu
4	Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên HĐQT	1956	022157694
5	Ông Lê Quang Định	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1964	021560874
II Ban Tổng Giám đốc (TGD)				
1	Ông Nguyễn Lộc	Tổng Giám đốc	1960	023000733
2	Ông Nguyễn Dung	Phó TGD	1954	020708211
3	Ông Nguyễn Trung Trường	Phó TGD	1962	013045621
4	Ông Lê Quang Định	Phó TGD	1964	021560874
III Ban kiểm soát (BKS)				
1	Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng BKS	1976	011828871
2	Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS	1976	022876347
3	Ông Ngô Quang Hùng	Thành viên BKS	1959	023236869
IV Giám đốc tài chính				
1	Bà Dương Liễu Mai Khanh	Giám đốc tài chính	1974	022832641
IV Kế toán trưởng (KTT)				
1	Ông Võ Hữu Luyện	Kế toán trưởng	1956	025173714

12.1 Hội Đồng Quản Trị

Ông NGUYỄN HOA CƯƠNG – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Hoa Cương
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 17/03/1961
Nơi sinh : Thái Nguyên
Số chứng minh nhân dân : 011796281, cấp ngày 06/06/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



- Quê quán : Gia Lâm - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 30 Trần Quốc Toản - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 04-39726245
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ Chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
- Từ 1/1985 đến 6/1991 : Kỹ sư cơ khí- Phòng Công nghệ- Nhà máy Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ 6/1991 đến 8/1996 : Phó phòng- Phòng Công nghệ- Nhà máy Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ 8/1996 đến 2010 : Phó Tổng giám đốc Công ty Liên doanh S.A.S- CTAMAD
 - Từ 2003 đến 2008 : Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cơ điện Hà Nội
 - Từ 2006 đến 2009 : Ủy viên HĐQT Công ty TNHH MTV Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ 2007 đến nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh S.A.S- CTAMAD
 - Từ 2008 đến 2011 : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh vật tư THIBIDI
 - Từ 2009 đến 2012 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khí cụ điện I.
 - Từ 2009 đến 2011 : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ 2011 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ 1/2010 đến nay : Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ 1/2007 đến 6/2010 : Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ 7/2010 đến 11/2010 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ 12/2010 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ 5/2012 đến nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
- Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (OTC: GELEX)
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội (OTC: HEM)
 - Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH SAS- CTAMAD
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 10.784.310 cổ phần, chiếm 37,45% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam : 10.721.824 cổ phần, chiếm 37,23% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 62.486 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng Công Ty CP Thiết Bị Điện Việt Nam	Đại diện phần góp vốn	10.721.824	37,23%	
2	Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Chủ tịch HĐQT	0	0%	
3	Công ty TNHH SAS-CTAMAD	P. CT HĐQT	0	0%	
4	Nguyễn Bạch Tuyết	Vợ	0	0%	
5	Nguyễn Bích Hà	Con ruột	0	0%	
6	Nguyễn Liên Hương	Con ruột	0	0%	
7	Nguyễn Đức Phương	Anh ruột	0	0%	
8	Nguyễn Gia Chính	Anh ruột	0	0%	
9	Nguyễn Thị Xuân Thanh	Chị ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông HOÀNG NGHĨA ĐÀN – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Hoàng Nghĩa Đàn**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/10/1952

Nơi sinh : Nam Đàn –Nghệ An

Số chứng minh nhân dân : 020263400 cấp ngày do Công An TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 5/5/2014

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 01 đường số 4, Nam Long, KP1, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TPHCM

Số điện thoại liên lạc : 08.38299443

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Vật lý

Quá trình công tác :

- Từ 1970 đến 1981 : Bộ đội, chuyển ngành học Đại học Tổng hợp TP. HCM



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



- Từ 1981 đến 1987 : Cử nhân Vật lý – XN Thành Mỹ, trực thuộc CADIVI
- Từ 1987 đến 1995 : Phó Giám đốc XN Thành Mỹ, CADIVI
- Từ 1995 đến 2000 : Giám đốc XN Thành Mỹ, CADIVI
- Từ 2000 đến 2001 : Phó Giám đốc Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam - CADIVI
- Từ 2001 đến 2005 : Giám đốc Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam – CADIVI
- Từ 2005 đến 2007 : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Dây và Cáp điện Việt Nam - CADIVI; Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam.
- Từ 2007 đến 04/2012 : Chủ tịch HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt nam – CADIVI
- Từ 04/2012 đến nay : Phó chủ tịch HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ 2007 đến 08/2012 : Tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam - CADIVI
- Từ 2002 đến 3/2013 : Chủ tịch Hội Dây Cáp điện Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ 2005 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dây Cáp điện Việt Thái - VITHAICO

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Dây Cáp điện Việt Thái – VITHAICO

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 50.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : không
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 50.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công Ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Hoàng Nghĩa Thuận	Cha ruột	0	0	Đã mất
3	Hoàng Thị Vân	Mẹ ruột	0	0	
4	Trịnh Thị Hồng Vinh	Vợ	0	0	
5	Hoàng Hồng Thùy Dương	Con ruột	0	0	
6	Hoàng Hồng Thùy Linh	Con ruột	0	0	
7	Hoàng Nghĩa Đức Minh	Con ruột	0	0	
8	Hoàng Thị Dung	Chị ruột	0	0	
9	Hoàng Nghĩa Đào	Em ruột	0	0	
10	Hoàng Thị Hiền	Em ruột	0	0	
11	Hoàng Nghĩa Đài	Em ruột	0	0	



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
12	Hoàng Thị Huệ	Em ruột	0	0	
13	Hoàng Thị Hồng	Em ruột	35.665	0,12%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông NGUYỄN LỘC – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Lộc**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 01/02/1960

Nơi sinh : Bình Định

Số chứng minh nhân dân : 023000733 ngày cấp 03/06/2007 tại CA Tp Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Bình Định

Địa chỉ thường trú : 292 Cao Đạt, P.1, Q.5, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc : 08-38299443

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Hóa, Cử nhân Tiếng Anh

Quá trình công tác :

- Từ 1980 đến 1983 : Bộ đội
- Từ 1983 đến 1986 : Chuyên ngành về XN Thành Mỹ thuộc CADIVI
- Từ 1986 đến 1995 : Phó Trưởng Ngành, Trưởng Ngành- Xí nghiệp Thành Mỹ
- Từ 1995 đến 1998 : Trưởng phòng Kỹ thuật- Cơ điện Xí nghiệp Thành Mỹ
- Từ 1998 đến 1999 : Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dây và Cáp điện VN
- Từ 1999 đến 1999 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dây và Cáp điện VN
- Từ 1999 đến 2001 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Việt Thái
- Từ 2001 đến 2002 : Phó Trưởng phòng TMSX Công ty Dây và Cáp điện VN
- Từ 2002 đến 2006 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dây và Cáp điện VN
- Từ 2005 đến 2007 : UV HĐQT, TP TMSX Công ty TNHH MTV Dây Cáp Điện Việt Nam
- Từ 2007 đến 8/2012 : UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
- Từ 9/2012 đến nay : UV HĐQT Tổng giám đốc CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
- Từ 3/2013 đến nay : Chủ tịch Hội dây cáp điện TPHCM



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Ủy viên HĐQT Công Ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái
- Ủy viên HĐQT Công ty dây đồng Việt Nam – CFT
- Phó chủ tịch HĐQT CTCP Công nghệ cao
- Thành viên Ban chấp hành hiệp hội chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu Việt Nam
- Chủ tịch Hội dây cáp điện Tp.Hồ Chí Minh

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 5.087.117 cổ phần, chiếm 17,66% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam : 5.000.000 cổ phiếu, chiếm 17,36% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 87.117 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Đại diện góp vốn	5.000.000	17,36%	
2	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Ủy viên HĐQT	0	0%	
3	Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Ủy viên HĐQT	0	0%	
4	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Cao	P.CTHĐQT	0	0%	
5	Cao Thị Mai	Mẹ ruột	0	0%	Đã mất
6	Nguyễn Thao	Cha ruột	0	0%	
7	Võ Thị Tuyết Hương	Vợ	25.851	0,09%	
8	Nguyễn Võ Duy Minh	Con ruột	0	0%	
9	Nguyễn Võ Minh Như	Con ruột	0	0%	
10	Nguyễn Thọ	Anh ruột	0	0%	
11	Nguyễn Hạo	Em ruột	0	0%	
12	Nguyễn Phê	Em ruột	2.187	0,01%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

**Ông ĐOÀN HOÀI THANH - Thành viên HĐQT**

Họ và tên : **Đoàn Hoài Thanh**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 13/09/1956
Nơi sinh : Hà Nội
Số chứng minh nhân dân : 022157694 ngày cấp 20/10/2011 tại CA Tp Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Nam Định
Địa chỉ thường trú : 359 - 361 Nguyễn Thiện Thuật, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc : 08-38299443
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
Quá trình công tác :
▪ Từ 1981 đến 1987 : Cán bộ phòng XDCEB của Công ty.
▪ Từ 1987 đến 2000 : Lần lượt giữ các chức vụ: Phó phòng XDCEB, Phó phòng Kỹ thuật, Phó văn phòng Công ty Dây cáp điện Việt Nam
▪ Từ 2000 đến 2009 : Lần lượt giữ các chức vụ: Chánh văn phòng, trưởng phòng nhân sự, hành chính Công ty Dây Cáp Điện Việt Nam.
▪ Từ 2009 đến nay : Phó chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam, Giám đốc nhân sự CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
▪ Từ 2010 đến nay : Bí thư Đảng Ủy Công ty.
▪ Từ 2012 đến nay : Thành viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc nhân sự.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 3.038.770 cổ phần, chiếm 10,55 % vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam : 3.000.000 cổ phần, chiếm 10,42% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 38.770 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Đại diện phần góp	3.000.000	10,42%	



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
		vốn			
2	Đoàn Hồ Hải	Cha ruột	0	0%	
3	Lê Thị Thành	Mẹ ruột	0	0%	
4	Đoàn Thanh Huyền	Em ruột	0	0%	
5	Đoàn Thị Vân Hồng	Em ruột	0	0%	
6	Đoàn Long Vân	Em ruột	0	0%	
7	Trần Thị Bích Thủy	Vợ	0	0%	
8	Đoàn Thanh Nam	Con ruột	2.045	0,01%	
9	Đoàn Thanh Tùng	Con ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không
Lợi ích liên quan với Công ty : không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông LÊ QUANG ĐÌNH - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Lê Quang Đình**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 11/10/1964
Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
Số chứng minh nhân dân : 021560874 cấp ngày 24/7/2001 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hải Dương
Địa chỉ thường trú : 39 Trần Quang Diệu, P.14, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc : 08.38299443
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí
Quá trình công tác :

- Từ 10/1987 đến 2003 : Cán bộ kỹ thuật phòng KTCĐ - Công ty CADIVI
- Từ 2003 đến 2007 : Phó trưởng phòng KTCĐ – Công ty CADIVI
- Từ 01/2008 đến 10/2008 : Phó giám đốc xí nghiệp Long Biên (KCN Biên Hòa)
- Từ 10/2008 đến 04/2011 : Giám đốc xí nghiệp Long Biên
- Từ 04/2011 đến 08/2012 : Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc xí nghiệp Long Biên
- Từ 8/2012 đến nay : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



- Từ 04/2013 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Dây Cáp điện Việt Nam
Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai kiêm Tổng Giám đốc

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 25.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : không
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 25.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công Ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Tổng Giám đốc	0	0%	
2	Lê Quang Tạo	Cha ruột	0	0%	
3	Trần Thị Huệ	Mẹ ruột	0	0%	
4	Nguyễn Đăng Mỹ Khanh	Vợ	0	0%	
5	Lê Đăng Khôi	Con trai	0	0%	
6	Lê Nguyễn Đoàn Trang	Con gái	0	0%	
7	Lê Ngọc Dung	Chị ruột	0	0%	
8	Lê Quang Thịnh	Anh ruột	0	0%	
9	Lê Bích Thu	Em ruột	0	0%	
10	Lê Thúy Bình	Em ruột	0	0%	
11	Lê Phú Cường	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN LỘC – Tổng Giám đốc

Thông tin về Tổng Giám đốc đã nêu ở trên.

Ông NGUYỄN DUNG – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Dung



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 20/8/1954
Nơi sinh : Quảng Trị
Số chứng minh nhân dân : 020708211 cấp ngày 29/7/2004 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú : Phòng 7E, Chung cư 35 - 37 Bến Chương Dương (nay là 12 Võ Văn Kiệt), Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc : 08.38299443
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa
Quá trình công tác :
▪ Từ 1972 đến 1977 : Học tại trường Đại học Khoa học Huế
▪ Từ 1978 đến 1986 : Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp Việt Thái, trực thuộc Công ty Dây Cáp điện Việt Nam
▪ Từ 1987 đến 1991 : Cán bộ kỹ thuật – Trung tâm nghiên cứu Boxit, Công ty Dây cáp điện Việt Nam
▪ Từ 1992 đến 1994 : Cán bộ kỹ thuật – Phòng kỹ thuật Công ty Dây cáp điện Việt Nam
▪ Từ 1995 đến 2002 : Trưởng phòng QLCL Công ty Dây cáp điện Việt Nam
▪ Từ 2002 đến 2008 : Giám đốc xí nghiệp Long Biên – CTCP Dây cáp điện Việt Nam
▪ Từ 2007 đến 2012 : TV HĐQT, CTCP Dây cáp điện Việt Nam
▪ Từ 2008 đến nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam
Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 51.051 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ
▪ Số lượng cổ phần đại diện : không
▪ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 51.051 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Hồ Thị Lợi	Vợ	0	0	
2	Nguyễn Thúy Liên	Con ruột	0	0	
3	Nguyễn Hồ Lê	Con ruột	23.337	0,08%	
4	Nguyễn Thế	Anh ruột	0	0	

Các khoản nợ với Công ty : không



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông NGUYỄN TRUNG TRƯỜNG – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Trung Trường**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 28/11/1962

Nơi sinh : Nghệ An

Số chứng minh nhân dân : 013045621 cấp ngày 06/03/2008 tại CA Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghệ An

Địa chỉ thường trú : 713 C/c Ngọc Lan, 35 Phú Thuận, P.Phú Thuận, Q.7, TPHCM

Số điện thoại liên lạc : 08.38299443

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác :

▪ Từ 1990 đến 1995 : *Liên Hiệp Công Ty Xuất Nhập Khẩu Nghệ An*

▪ Từ 1995 đến 2006 : Tổng Công Ty Muối Việt Nam

▪ Từ 2006 đến nay : Công Ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 22.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

▪ Số lượng cổ phần đại diện : không

▪ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 22.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Lý	Cha ruột	0	0%	Đã mất
2	Lê Thị Huệ	Mẹ ruột	0	0%	
3	Hồ Thị Kim Nhung	Vợ	0	0%	
4	Nguyễn Trường Minh	Con ruột	0	0%	
5	Nguyễn Trường Anh Thơ	Con ruột	0	0%	
6	Nguyễn Văn Công	Em ruột	0	0%	
7	Nguyễn Văn Thái	Em ruột	0	0%	



Các khoản nợ với Công ty : không
Lợi ích liên quan với Công ty : không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông LÊ QUANG ĐÌNH – Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Phó Tổng Giám đốc đã nêu ở trên.

12.3 Ban Kiểm Soát**Ông PHAM TUẤN ANH – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên : Phạm Tuấn Anh
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 03/11/1976
Nơi sinh : Hà Nội
Số chứng minh nhân dân : 011828871 cấp ngày 03/12/2001 tại CA Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Từ Sơn – Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : 12 Ngõ 810 Đê La Thành - Quận Ba Đình - Hà Nội
Số điện thoại liên lạc : 04.39726245
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :

- Từ 2/1999 đến 4/2003 : Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Điện cơ Hà Nội
- Từ 5/2003 đến 8/2010 : Phó phòng- Phòng Tài chính kế toán- Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ 9/2010 đến 10/2011 : Phó phòng- Phòng Tài chính kế toán- Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ 11/2011 đến nay : Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ 04/2012 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Số lượng cổ phần đại diện : không
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : không



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Phạm Văn Thiều	Cha ruột	0	0%	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Mẹ ruột	0	0%	
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Vợ	0	0%	
4	Phạm Nguyễn Diệu Anh	Con ruột	0	0%	
5	Phạm Minh Anh	Con ruột	0	0%	
6	Phạm Quang Thanh	Anh ruột	0	0%	
7	Phạm Hồng Thư	Anh ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông DƯ VĨNH HỒNG QUÂN – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Dư Vĩnh Hồng Quân**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 28/12/1976

Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh

Số chứng minh nhân dân : 022876347 cấp ngày 08/9/2004 tại CA Tp.Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú : 457/41 Lê Văn Thọ P.9, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc : 08.38299443

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác :

- Từ 7/1998 đến 8/2003 : Phòng TCKT Xí nghiệp Thành Mỹ
- Từ 8/2003 đến 12/2007 : Phó phòng TCKT Xí nghiệp Thành Mỹ
- Từ 12/2007 đến 10/2008 : Trưởng phòng Kế toán Nhân sự XN Tân Á
- Từ 10/2008 đến 03/2010 : Phó giám đốc XN Tân Á
- Từ 04/2010 đến 12/2010 : Phó phòng TMSX CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ 01/2011 đến 06/2013 : Trưởng phòng Thương Mại CTCP Dây cáp điện Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



- Từ 04/2009 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ 07/2013 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Cty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai kiêm Kế toán Trưởng

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Cty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai kiêm Kế toán Trưởng

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 11.668 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : không
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 11.668 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Cty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán Trưởng	0	0%	
2	Lê Thị Bé	Mẹ ruột	0	0%	
3	Dư Vĩnh Phước	Cha ruột	0	0%	Đã mất
4	Dư Vĩnh Hồng Phúc	Em ruột	0	0%	
5	Lê Thị Kiều Diễm	Vợ	0	0%	
6	Dư Xuân Thanh	Con	0	0%	
7	Dư Vĩnh Xuân Quang	Con	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông NGÔ QUANG HÙNG – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Ngô Quang Hùng**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 28/09/1959

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Số chứng minh nhân dân : 023236869 cấp ngày 11/02/2011 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú : 03 đường số 3, quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh
 Số điện thoại liên lạc : 08.38299443
 Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
 Quá trình công tác :

- Từ 1983 đến 1986 : Nhân viên kế toán-XN Đồ Điện Thủ Đức.
- Từ 1986 đến 1990 : Phó phòng kế toán-XN Đồ Điện Thủ Đức.
- Từ 1991 đến 1992 : Phó phòng kế toán-XN Khí Cụ Điện 2.
- Từ 1993 đến 2009 : Trưởng phòng kế toán nhân sự- XN Khí Cụ Điện 2.
- Từ 2009 đến 2010 : Trưởng phòng nhân sự hành chính- XN Tân Á
- Từ 2010 đến nay : Phó giám đốc XN Tân Á
- Từ 2007 đến nay : TV Ban kiểm soát Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam.

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát, Phó Giám đốc xí nghiệp Tân Á

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 11.814 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : không
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 11.814 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Phan Thị Lộc	Mẹ ruột	0	0%	
2	Ngô Thị Sáng	Chị ruột	0	0%	
3	Ngô Thị Ánh	Chị ruột	0	0%	
4	Ngô Quang Dũng	Em ruột	0	0%	
5	Lê Thị Cẩm Vân	Vợ	0	0%	
6	Ngô Thị Mỹ Dung	Con ruột	0	0%	
7	Ngô Quang Đăng Khoa	Con ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

**12.4 Giám đốc tài chính****Bà DƯƠNG LIỄU MAI KHANH – Giám đốc tài chính**

Họ và tên : **Dương Liễu Mai Khanh**
Giới tính: : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 05/06/1974
Nơi sinh : TPHCM
Số CMND : 022832641 cấp ngày 04/05/2010 tại CA TPHCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Tiền Giang
Địa chỉ thường trú : 782/8 Trường Sa, phường 14, quận 3, TPHCM
Số điện thoại liên lạc : 08 38299443
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ khoa học kinh tế - chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán
Quá trình công tác :
▪ Từ 08/1996 – 08/2001 : Nhân viên kế toán tài chính Xí nghiệp Khí cụ điện
▪ Từ 09/2001 – 03/2003 : Phó phòng phụ trách Phòng kế toán tài chính Xí nghiệp Thành Mỹ
▪ Từ 03/2003 – 05/2009 : Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam
▪ Từ 06/2009 đến nay : Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Giám đốc tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : không
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	CTCP Dây cáp điện Việt Thái	Thành viên BKS	0	0%	
2	Dương Kim Lang	Mẹ	0	0%	
3	Võ Hồng Anh	Chồng	15.600	0,05%	
4	Võ Gia Khánh	Con	0	0%	



STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
5	Võ Khánh Hưng	Con	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không
Lợi ích liên quan với Công ty : không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

12.5 Kế toán trưởng

Ông VÕ HỮU LUYỄN – Kế toán trưởng

Họ và tên : **Võ Hữu Luyện**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 01/10/1956
Nơi sinh : Hà Tĩnh
Số chứng minh nhân dân : 025173714 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 07/09/2009
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : 238/10/11 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc : 08.38299443
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :

- Từ 1977 đến 1982 : Giáo viên trường sơ cấp Kỹ thuật Không Quân
- Từ 1982 đến 1986 : Bộ đội chuyển ngành học trường Đại Học Kinh tế TP.HCM
- Từ 1987 đến 1996 : Chuyên viên phòng KHVT và phòng KTTC, XN Thành Mỹ
- Từ 1996 đến 2001 : Trưởng phòng KTTC Xí nghiệp Thành Mỹ
- Từ 2002 đến 2005 : Kế toán trưởng Công ty Dây Cáp điện Việt Nam
- Từ 2005 đến 2007 : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty TNHH MTV Dây cáp điện Việt Nam
- Từ 2007 đến nay : Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 60.455 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : không



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 60.455 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hiệt	Mẹ ruột	0		
2	Võ Hữu Phán	Cha ruột	0		
3	Trương Thị Sâm	Vợ	40.549	0,14%	
4	Võ Khánh Tùng	Con ruột	0		
5	Võ Ngọc Mai	Con ruột	0		

- Các khoản nợ với Công ty : không
- Lợi ích liên quan với Công ty : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 26: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	536.931	(280.645)	256.286
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	145.766	(49.124)	96.642
2	Máy móc thiết bị	359.559	(209.804)	149.755
3	Thiết bị văn phòng	3.752	(2.332)	1.421
4	Phương tiện vận tải	27.853	(19.385)	8.468
II	Tài sản cố định vô hình	55.241	(6.924)	48.317
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	3.125	-	3.125
2	Quyền sử dụng đất có thời hạn	50.991	(5.799)	45.192
3	Phần mềm vi tính	1.125	(1.125)	-
	Tổng cộng	592.172	(287.568)	304.604

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013

Bảng 27: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
----	--------------	------------	-----------------	-----------------



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



I	Tài sản cố định hữu hình	543.626	(297.886)	245.741
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	146.398	(51.628)	94.770
2	Máy móc thiết bị	364.516	(223.181)	141.335
3	Thiết bị văn phòng	3.752	(2.524)	1.228
4	Phương tiện vận tải	28.960	(20.553)	8.407
II	Tài sản cố định vô hình	55.241	(7.434)	47.808
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	3.125	-	3.125
2	Quyền sử dụng đất có thời hạn	50.991	(6.309)	44.683
3	Phần mềm vi tính	1.125	(1.125)	-
Tổng cộng		598.868	(305.319)	293.548

Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét Quý II năm 2014

Bảng 28: Tình hình đất đai và bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty

TT	Tên Tài sản	Vị trí	Diện tích (m2)	Ghi chú
Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh				
1	Mặt bằng 70 -72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Quận 1, TP.HCM	641	- Đang sử dụng làm văn phòng của công ty - Mặt bằng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (công ty mua năm 2007).
2	Mặt bằng 16 Nguyễn Biểu	Quận 5, TP.HCM	1.964	- Đang sử dụng làm câu lạc bộ Thể dục thể thao (làm 2 sân tennis) - Mặt bằng đang thuê của nhà nước từng năm một (trước đây thuộc dạng quy hoạch công trình công cộng).
3	Mặt bằng 799 Kinh Dương Vương	Quận 6, TP.HCM	5.092	- Đang sử dụng là cơ sở chính của Xí nghiệp Tân Á - Mặt bằng đang làm thủ tục xin giao đất có thu tiền (xin thẩm định giá đất lần 2). Theo dự án được phê duyệt xây dựng trung tâm thương mại và nhà ở.
4	Mặt bằng 653 Âu Cơ	Tân Phú, TP.HCM	5.580	- Đang sử dụng là cơ sở của Xí nghiệp Tân Á - Mặt bằng đang thuê của nhà nước từng năm một (khu vực này theo quy hoạch là khu dân cư)



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Tên Tài sản	Vị trí	Diện tích (m2)	Ghi chú
5	Mặt bằng 47 Tân Thành	Tân Phú, TP.HCM	1.197	- Đang sử dụng làm cơ sở 1 của Xí nghiệp Tân Á - Mặt bằng đang làm thủ tục xin giao đất có thu tiền.
6	Mặt bằng 117 Lê Văn Chí	Thủ Đức, TP.HCM	1.642	- Đang sử dụng là cơ sở 2 của Xí nghiệp Tân Á - Mặt bằng đang làm thủ tục xin giao đất có thu tiền (đang làm thủ tục xin thẩm định giá đất theo dự án xây dựng nhà ở công nhân viên).
7	Mặt bằng 16 Lê Văn Chí	Thủ Đức, TP.HCM	3.354	- Đang sử dụng là cơ sở 2 của Xí nghiệp Tân Á - Mặt bằng thuộc quy hoạch đất công viên cây xanh.
8	Mặt bằng đường N7, khu KCN Tân Phú Trung	Củ Chi, TP.HCM	30.342	- Đang là cơ sở Tân Phú Trung của XN Tân Á - Mặt bằng thuê đất của công ty phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) (Thời gian thuê đất đến 2054).
Khu vực Đồng Nai				
9	Mặt bằng đường 1, KCN Biên Hòa 1	Biên Hòa, Đồng Nai	20.420	- Đang sử dụng là XN Long Biên - Mặt bằng đang thuê của công ty phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi Biên Hòa) (thời gian thuê đến 2051).
10	Mặt bằng đường 1, KCN Biên Hòa 1	Biên Hòa, Đồng Nai	24.753	- Đang sử dụng là XN Thành Mỹ - Mặt bằng đang thuê của công ty phát triển KCN Biên Hòa (thời gian thuê đến 2051).
11	Mặt bằng đường 1, KCN Biên Hòa 1	Biên Hòa, Đồng Nai	19.921	- Đang sử dụng là tổng kho (kho A) của công ty. - Mặt bằng đang thuê của công ty phát triển khu CN Biên Hòa (thời gian thuê đến 2051).
12	Mặt bằng KCN Long Thành	Long Thành, Đồng Nai	45.774	- Đang sử dụng là Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai - Mặt bằng đang thuê của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (Thời gian thuê đến 2053).
Khu vực Đà Nẵng				



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Tên Tài sản	Vị trí	Diện tích (m2)	Ghi chú
13	Mặt bằng đường 2-9, Đà Nẵng	Đà Nẵng	250	- Đang cho thuê (Thời gian cho thuê 5 năm đến 2017). - Mặt bằng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (công ty mua năm 2006).
14	Mặt bằng đường số 21 KCN Hòa Cầm	Đà Nẵng	25.103	- Đang sử dụng là chi nhánh Miền Trung - Mặt bằng đang thuê của công ty cổ phần đầu tư KCN Hòa Cầm, Đà Nẵng (thời gian thuê đất đến năm 2053).
TỔNG CỘNG			186.033	

Nguồn: CADIVI

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2014 và 2015

Bảng 29: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 và 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Dự kiến năm 2014		Dự kiến năm 2015	
				Giá trị	(+/-) so với năm 2013	Giá trị	(+/-) so với năm 2014
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.462	4.600	3,09%	5.300	15,22%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	170	160	(5,88%)	180	12,50%
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	543	553	1,84%	563	1,81%
4	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	3,81%	3,48%	(8,66%)	3,40%	(2,3%)
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	31,31%	28,93%	(7,60%)	31,97%	10,51%
6	Cổ tức	%	30%	30%	-	25 - 30%	-

Nguồn: CADIVI

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2014 và 2015

Căn cứ đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2014

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm 2014 được xây dựng dựa trên các căn cứ như sau:



- Tình hình kinh tế trong nước trong năm 2014 tuy đã có dấu hiệu hồi phục so với các năm trước đây nhưng thị trường xây dựng và bất động sản vẫn chưa thoát khỏi khó khăn. Nhu cầu tiêu thụ của xã hội đối với các sản phẩm dây cáp điện trong năm vẫn chưa có dấu hiệu tăng trưởng.
- Giá cả các nguyên vật chính để sản xuất dây và cáp điện như đồng, nhôm và nhựa trong giai đoạn vừa qua có những diễn biến phức tạp và được doanh nghiệp dự đoán có xu hướng tăng trong năm 2014, đặc biệt là trong 6 tháng cuối năm 2014.. Tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm của Công ty khá lớn, bình quân chiếm trên 90% giá thành sản phẩm. Vì thế, các biến động trong giá nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.
- Tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành dây cáp điện ngày càng gay gắt, do đó để duy trì được thị phần, CADIVI buộc phải giảm giá bán, vì thế sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Trước những thách thức trên, các thành viên trong Hội đồng Quản trị cũng như ban quản lý điều hành của CADIVI đều nhất trí đưa ra phương án kế hoạch kinh doanh của năm 2014 khá thận trọng, cụ thể: doanh thu thuần dự kiến đạt 4.600 tỷ đồng (tăng 3,07% so với năm 2013), lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 160 tỷ đồng (giảm 5,88% so với năm 2013) cùng với mức cổ tức chi trả là 30%. Cả ba chỉ tiêu này đều được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua vào ngày 17/4/2014.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2014 của CADIVI, doanh thu thuần của Công ty đạt 2.926 tỷ đồng, tăng 42,70% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng đạt 63,62% kế hoạch doanh thu cả năm. Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 81 tỷ đồng, tăng 19,54% so với 6 tháng năm 2013 hay đạt 50,46% kế hoạch cả năm 2014. Căn cứ vào tình hình chung của thị trường, tiến độ thực hiện các hợp đồng đã và đang ký kết, Công ty tin tưởng có thể hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của năm 2014, cùng với mức chi trả cổ tức trong năm là 30%.

Căn cứ đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2015:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm 2015 được xây dựng dựa trên các căn cứ như sau:

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ngày 18/04/2012 đã thông qua Chiến lược phát triển giai đoạn từ năm 2012 – 2017 và tầm nhìn đến năm 2020 như sau:
 - ✓ Sứ mệnh: Cung cấp cho xã hội và cộng đồng những sản phẩm dây cáp điện, thiết bị điện và dịch vụ kỹ thuật điện chất lượng, an toàn, tiết kiệm điện.
 - ✓ Tầm nhìn: Xây dựng CADIVI đến năm 2020 trở thành một trong những nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á.
 - ✓ Triết lý kinh doanh: Hoạt động của Công ty chủ yếu dựa trên các triết lý sau:
 - Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty
 - Thỏa mãn khách hàng là mục tiêu hàng đầu của Công ty
 - Lợi ích của khách hàng cũng là lợi ích của Công ty



- Tất cả CBCNV trong Công ty luôn đam mê xây dựng Công ty phát triển bền vững

Để đạt được những mục tiêu trên, Công ty cần có giải pháp chiến lược phát triển cụ thể như tốc độ tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận bình quân từ năm 2012 – 2017 đạt khoảng 15-20%/năm.

- Vào cuối năm 2014, CADIVI sẽ chính thức đi vào hoạt động 2 dự án Máy xoắn 19 sợi và Máy kéo 8 đường và đến Quý 02/2015 sẽ vận hành Nhà máy sản xuất dây cáp điện Miền Trung. Với kế hoạch trên thì ba dự án này sẽ góp phần không nhỏ vào việc gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty từ năm 2015 trở về sau.
- Căn cứ vào đề án "Ngầm hóa lưới điện TP.HCM đến năm 2020" của Tổng Công ty Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó Tổng Công ty Điện lực TP.HCM đã đưa ra kế hoạch ngầm hóa lưới điện với các lộ trình: đến 2015, tỷ lệ lưới điện ngầm đạt 30% lưới trung thế và 20% lưới hạ thế; đến 2020: cơ bản hoàn tất ngầm hóa lưới điện trung thế, hạ thế khu vực nội thành với tổng khối lượng đến 2015 là 400km cáp ngầm trung thế, 500km cáp ngầm hạ thế. Trong giai đoạn 2014 – 2015, ngành điện lực Thành phố tiếp tục thực hiện triển khai thực hiện 116 công trình ngầm hóa và dự kiến đến cuối năm 2015 thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu đề ra (445/400 km trung thế; 691/500 km hạ thế), chủ yếu được thực hiện trong năm 2015. Để đón đầu xu hướng trên, Công ty đã định hướng đầu tư dây chuyển sản xuất cáp ngầm trung thế tại Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM giai đoạn 1 từ năm 2011 và hiện đang chuẩn bị triển khai giai đoạn 2 vào Quý 4/2014. Dự án này đã được Hội đồng Quản trị thông qua tại Nghị quyết số 09/2012/QĐ-HĐQT về việc thống nhất chủ trương đầu tư dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện – Giai đoạn 2" tại KCN Tân Phú Trung và dự kiến sẽ tiếp tục mang lại nguồn thu cho CADIVI từ năm 2015 trở về sau.

Với những lý do trên, Công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2015 đạt 5.300 tỷ đồng doanh thu thuần (tăng 15,22% so với năm 2014) và 180 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (tăng 12,90% so với năm 2014) và mức cổ tức chi trả từ 25 – 30%. Kế hoạch này hoàn toàn có khả năng đạt được nếu tình hình kinh tế không có những yếu tố bất ngờ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua**

Để nâng cao năng lực sản xuất và hướng đến thị trường ở khu vực Đông Nam Á, trong Quý 3 năm 2014, Công ty sẽ đưa vào hoạt động máy xoắn 19 sợi và máy kéo 8 đường và sẽ triển khai dự án sản xuất dây dân dụng và dây ô tô ở Khu công nghiệp Hòa Cầm, Đà Nẵng (Nhà máy sản xuất dây cáp điện Miền Trung) nhằm đáp ứng nguồn cung dây dân dụng ở Miền Trung và dây ô tô xuất khẩu tại chỗ cho Nhật Bản.

Theo đó, HĐQT Công ty đã thông qua các Nghị quyết liên quan đến những vấn đề trên như sau:

- Nghị quyết HĐQT số 53/2014/QĐ-HĐQT ngày 13/06/2014 về việc phê duyệt giai đoạn 2 – Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện Miền Trung";
- Nghị quyết HĐQT số 32/2013/QĐ-HĐQT ngày 31/05/2013 về việc phê duyệt Dự án đầu tư Máy kéo 8 đường;
- Nghị quyết HĐQT số 33/2013/QĐ-HĐQT ngày 31/05/2013 về việc phê duyệt Dự án đầu tư Máy xoắn 19 sợi.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Tên dự án	Sản phẩm của dự án	Chi phí đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Thời gian dự kiến hoạt động	Thời gian hoàn vốn	Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm hiện tại	Mục tiêu dự án
1	Máy xoắn 19 sợi	- Ruột dẫn đồng/nhôm (7 sợi, 19 sợi có tiết diện đến 150mm ² , có cán ép chặt) - Dây nhôm lõi thép (1 lớp thép 7 sợi, 12 sợi nhôm)	12.900	Từ tháng 04/2013 đến tháng 03/2014	Quý 3/2014	2 năm 3 tháng	Đã hoàn thành và đang trong giai đoạn quyết toán	- Đổi mới thiết bị theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa công nghệ xoắn cáp. - Tăng năng suất sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của khách hàng. - Đảm bảo chất lượng sản phẩm; giảm tiêu hao năng lượng, giảm tiêu hao vật tư và giá thành sản phẩm.
2	Máy kéo 8 đường	- Sợi đồng kéo nhỏ, dùng cho sản xuất dây cáp điện, dây điện ô tô, dây cáp điện tử các loại, ...	20.177	Từ tháng 04/2013 đến tháng 06/2014	Quý 3/2014	5 năm 8 tháng	Đã hoàn thành và đang trong giai đoạn quyết toán	- Tiếp tục triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án như đã cam kết. - Phát triển sản phẩm dây cáp điện ô tô và cung cấp kịp thời sản phẩm dây cáp điện dân dụng cho thị trường khu vực miền Trung và miền Bắc. - Tận dụng nguồn nhân công giá rẻ, giảm chi phí vận chuyển nhằm giảm giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh.
3	Nhà máy sản xuất dây cáp điện Miền Trung	- Dây cáp điện dân dụng - Dây cáp điện sử dụng trong ngành công nghiệp ô tô	25.921	Từ Quý 3/2014 đến Quý 1/2015	Quý 2/2015	7 năm 10 tháng	Đang thi công gói thầu xây lắp nhà xưởng	

Nguồn: CADIVI

Liên quan đến dự án sản xuất cáp ngầm trung thế tại Tân Phú Trung, Củ Chi giai đoạn 2, căn cứ vào Nghị quyết HĐQT số 09/2012/QĐ-HĐQT về việc thống nhất chủ trương đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất dây cáp điện – Giai đoạn 2” tại KCN Tân Phú Trung, Ban lãnh đạo CADIVI đang tiến hành xây dựng phương án khả thi với một số thông tin như trình bày ở bảng dưới đây, dự kiến sẽ trình HĐQT phê duyệt phương án chi tiết vào cuối năm nay hoặc đầu năm 2015.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Tên dự án	Sản phẩm của dự án	Chi phí đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Thời gian dự kiến hoạt động	Thời gian hoàn vốn	Mục tiêu dự án
1	Dự án “Nhà máy sản xuất dây cáp điện - Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và bổ sung thiết bị sản xuất dây cáp điện” Tại KCN Tân Phú Trung	<ul style="list-style-type: none">- Dây điện dân dụng;- Dây dẫn trần;- Dây điện lực;- Dây điện thoại;- Cáp Multiplex;- Cáp vặn xoắn;- Cáp điện kế;- Cáp điện lực;- Cáp trung thế treo;- Cáp trung thế ngầm;- Cáp điều khiển; Trong mỗi nhóm sản phẩm có nhiều loại, tổng cộng 285 chủng loại sản phẩm.	246.402	Từ Quý 4/2014 đến Quý 2/2016	Quý 2/2016	<ul style="list-style-type: none">- Có chiết khấu: 9 năm 6 tháng.- Giảm đơn: 5 năm	<ul style="list-style-type: none">- Tận dụng lợi thế được hỗ trợ lãi suất vay vốn từ chương trình kích cầu theo chủ trương chung của Thành phố làm giảm áp lực về vốn, tăng hiệu quả đầu tư.- Đầu tư các thiết bị công nghệ mới, hiện đại để nâng cao năng lực sản xuất, giảm tiêu hao vật tư, nhằm giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh.- Tập trung các cơ sở sản xuất về cùng một điểm nhằm thuận tiện trong sản xuất và quản lý tạo thế mạnh và lợi thế cho Công ty.- Hoàn thiện các hạng mục công trình theo tổng mặt bằng quy hoạch.- Thực hiện chủ trương chung của Tổng Công ty và Thành phố về việc di dời các xí nghiệp sản xuất ra khỏi khu dân cư.

Nguồn: CADIVI



- ❖ **Kế hoạch tăng vốn điều lệ:** Không có.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2014, Công ty đạt được mức doanh thu là 2.926 tỷ đồng, tương đương với 63,62% kế hoạch doanh thu của cả năm. Trong khi đó, lợi nhuận trước thuế 6 tháng năm 2014 của Công ty đạt 81 tỷ đồng, tương ứng bằng 50,46% so với kế hoạch cả năm 2014 (160 tỷ đồng). Dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, năng lực của Công ty và tình hình nền kinh tế trong thời gian gần đây, SSI nhận thấy rằng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty của 2014 và 2015 có tính khả thi nếu không có những biến động biến động lớn ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các quý sau.

Với tỷ lệ cổ tức dự kiến của Công ty trong năm 2014 là 30%, chúng tôi đánh giá phần lợi nhuận còn lại đủ để Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Ghi chú: Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo, không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

- | | | |
|----|---|-----------------------------|
| 1. | Loại chứng khoán: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. | Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 3. | Tổng số chứng khoán niêm yết: | 28.800.000 cổ phiếu |
| 4. | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành: | |

❖ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 19.142.185 cổ phiếu, đây là số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong 6 tháng tiếp theo, bao gồm:

- Số lượng cổ phiếu của Hội đồng Quản trị nắm giữ là : 263.373 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Ban kiểm soát nắm giữ là : 23.482 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Ban Giám đốc nắm giữ là : 73.051 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Giám đốc tài chính nắm giữ là : 0 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Kế toán trưởng nắm giữ là : 60.455 cổ phiếu; và
- Số lượng cổ phiếu của cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát là : 18.721.824 cổ phiếu.

Danh sách cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty tại thời điểm 05/08/2014.

TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP nắm giữ	Địa chỉ	CMND
I Hội đồng Quản trị (HĐQT)					
1	Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	62.486	30 Trần Quốc Toàn Q Hoàn Kiếm TP Hà Nội	011796281
2	Hoàng Nghĩa Đàn	Phó Chủ tịch HĐQT	50.000	01 đường số 4, Nam Long, KP1, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TPHCM	020263400
3	Đoàn Hoài Thanh	Thành viên HĐQT	38.770	359-361 Nguyễn Thiện Thuật Q3 TPHCM	022157694
4	Nguyễn Lộc	Thành viên HĐQT kiêm TGD	87.117	292 Cao đạt, F1, Q5, Tp HCM	023000733
5	Lê Quang Định	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	25.000	39 Trần Quang Diệu P.14, Q.3 TP HCM	021560874
II Ban Tổng Giám đốc (TGD)					
1	Nguyễn Lộc	Thành viên HĐQT kiêm TGD	87.117	292 Cao đạt, F1, Q5, Tp HCM	023000733



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP nắm giữ	Địa chỉ	CMND
2	Lê Quang Định	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	25.000	39 Trần Quang Diệu P.14, Q.3, TP.HCM	021560874
3	Nguyễn Dung	Phó TGD	51.051	12 Võ Văn Kiệt, TP HCM	020708211
4	Nguyễn Trung Trường	Phó TGD	22.000	713 C/c Ngọc Lan 35 Phú Thuận, P.Phú Thuận, Q.7, TPHCM	013045621
III Ban kiểm soát (BKS)					
1	Phạm Tuấn Anh	Trưởng BKS	-	Số 12 Ngõ 810 Đê La Thành – Ba Đình Hà Nội	011828871
2	Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS	11.668	457/41 Lê Văn Thọ P9 Gò Vấp	022876347
3	Ngô Quang Hùng	Thành viên BKS	11.814	03 đường số 3, quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM	023236869
IV Giám đốc tài chính					
1	Dương Liễu Mai Khanh	Giám đốc tài chính	-	782/8 Trường Sa P.14 Q.3, TP.HCM	022832641
V Kế toán trưởng					
1	Võ Hữu Luyện	Kế toán trưởng	60.455	238/10/11 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP.HCM	025173714
VI Cổ đông lớn là người có liên quan đến thành viên HĐQT, BGD, BKS					
1	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông lớn	18.721.824	52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	0100100512

Nguồn: CADIVI

- ❖ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trước khi niêm yết của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam trong đợt phát hành riêng lẻ của CADIVI vào ngày 18/10/2013 tăng vốn lên 288 tỷ đồng là 794.889 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày 18/10/2013 – 18/10/2014.

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam là giá được tính toán dựa trên phương pháp so sánh Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (P/E) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết và Giá trị sổ sách của Công ty.

Ghi chú: Đây chỉ là hai trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra, giá của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

**5.1. Phương pháp so sánh Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E)**

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (hay lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu, "EPS") của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá tương đồng với CADIVI đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hệ số P/E trung bình được tính toán. Từ đó:

Giá trị của cổ phiếu CADIVI = P/E trung bình x EPS (CADIVI)

Các Công ty dùng để so sánh với CADIVI bao gồm: Công ty Cổ phần Cáp điện Taya (TYA), Công ty Cổ phần Ngô Han (NHW) và Công ty Cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKC).

Mã CK	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	EPS cơ bản (Năm 2013)	Giá (thời điểm 15/10/2014)	P/E	Giá trị thị trường (tại thời điểm 15/10/2014)	Tỉ trọng theo giá trị thị trường	Trung bình trọng số
NHW	22.947.051	2.015	12.200	6,05	279.954.026.391	45,96%	2,78
VKC	13.000.000	238	7.300	30,67	94.900.000.000	15,58%	4,78
TYA	27.892.014	1.089	8.400	7,71	234.292.917.600	38,46%	2,97
					609.146.943.991	P/E trung bình	10,53

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013 của NHW, VKC và TYA

- EPS năm 2013 của CADIVI là 4.924 đồng/cổ phiếu;
- Chỉ số P/E bình quân ngành là 10,53 lần
- Giá dự kiến cổ phiếu của CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam theo phương pháp so sánh P/E:
Giá cổ phiếu dự kiến niêm yết = P/E trung bình ngành x EPS năm 2013 của CADIVI
= 10,53 x 4.924
= **51.839 đồng/cổ phiếu**

5.2. Phương pháp Giá trị sổ sách:

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam tại các thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Tổng tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ)	đồng	348.748.946.378	494.844.590.013	457.795.793.437
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	24.959.992	28.800.000	28.800.000
Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	<u>13.972</u>	<u>17.182</u>	<u>15.896</u>

**Tổng hợp giá tham chiếu của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam:**

Phương pháp tính/Hệ số sử dụng	Giá trị (đồng/cổ phiếu)
P/E	51.839
Giá trị sổ sách	17.182

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, giá trị mỗi cổ phiếu CADIVI nằm trong khoảng từ 17.182 đồng đến 51.839 đồng, đồng thời xem xét tình hình thị trường chứng khoán vào thời điểm niêm yết, theo đó Công ty xác định mức giá tham chiếu dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam là **36.000 đồng/cổ phiếu**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TP.HCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0,07% vốn điều lệ.

7. Các loại thuế liên quan**7.1 Đối với Công ty****a. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 22% từ ngày 01/01/2014 và giảm xuống 20% kể từ ngày 01/01/2016.

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.



7.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Trụ sở chính: 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-8) 38 29 94 43

Fax: (+84-8) 38 29 94 37

Email: cadivi@cadivi.com.vn

Website: www.cadivi.com.vn / www.cadivi-vn.com

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897

Fax: (84.8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-98 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821 8567

Fax: (84.8) 3291 0590

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi, Tp. Vũng Tàu

Điện thoại: (84.64) 3521 906

Fax: (84.31) 3521 907

Chi nhánh Nha Trang

Địa chỉ: 50 Lê Thanh Phương, Tp. Nha Trang

Điện thoại: (84.58) 3816 969

Fax: (84.58) 3816 968

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3942 6718

Fax: (84.4) 3942 6719

Chi nhánh Mỹ Đình

Địa chỉ: Tầng G, Toà nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3794 6699

Fax: (84.4) 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3569 123

Fax: (84.31) 3569 130

3. Tổ chức kiểm toán:



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 8 3 8205944

Fax: 84 8 3 8205947

Email: info@aasc.com.vn

Website: www.aasc.com.vn



VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất
- Phụ lục 2:** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua việc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/04/2014
- Phụ lục 3:** Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- Phụ lục 4:** Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 31/12/2012
- Phụ lục 5:** Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ 31/12/2012
- Phụ lục 6:** Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 31/12/2013
- Phụ lục 7:** Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ 31/12/2013
- Phụ lục 8:** Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 30/6/2014
- Phụ lục 9:** Báo cáo tài chính Công ty mẹ soát xét 30/6/2014
- Phụ lục 10:** Các văn bản pháp lý khác



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CẤP ĐIỆN VIỆT NAM



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CẤP ĐIỆN VIỆT NAM



[Signature]
NGUYỄN HOA CƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

[Signature]

NGUYỄN LỘC
Tổng Giám đốc

[Signature]

NGUYỄN DUNG
Phó Tổng Giám đốc

[Signature]

VÕ HỮU LUYỆN
Kế toán trưởng

[Signature]

PHẠM TUẤN ANH
Trưởng Ban kiểm soát

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)



[Signature]
Nguyễn Hồng Nam
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC